ĐỊNH NGHĨA VỀ
TỰ DO INTERNET

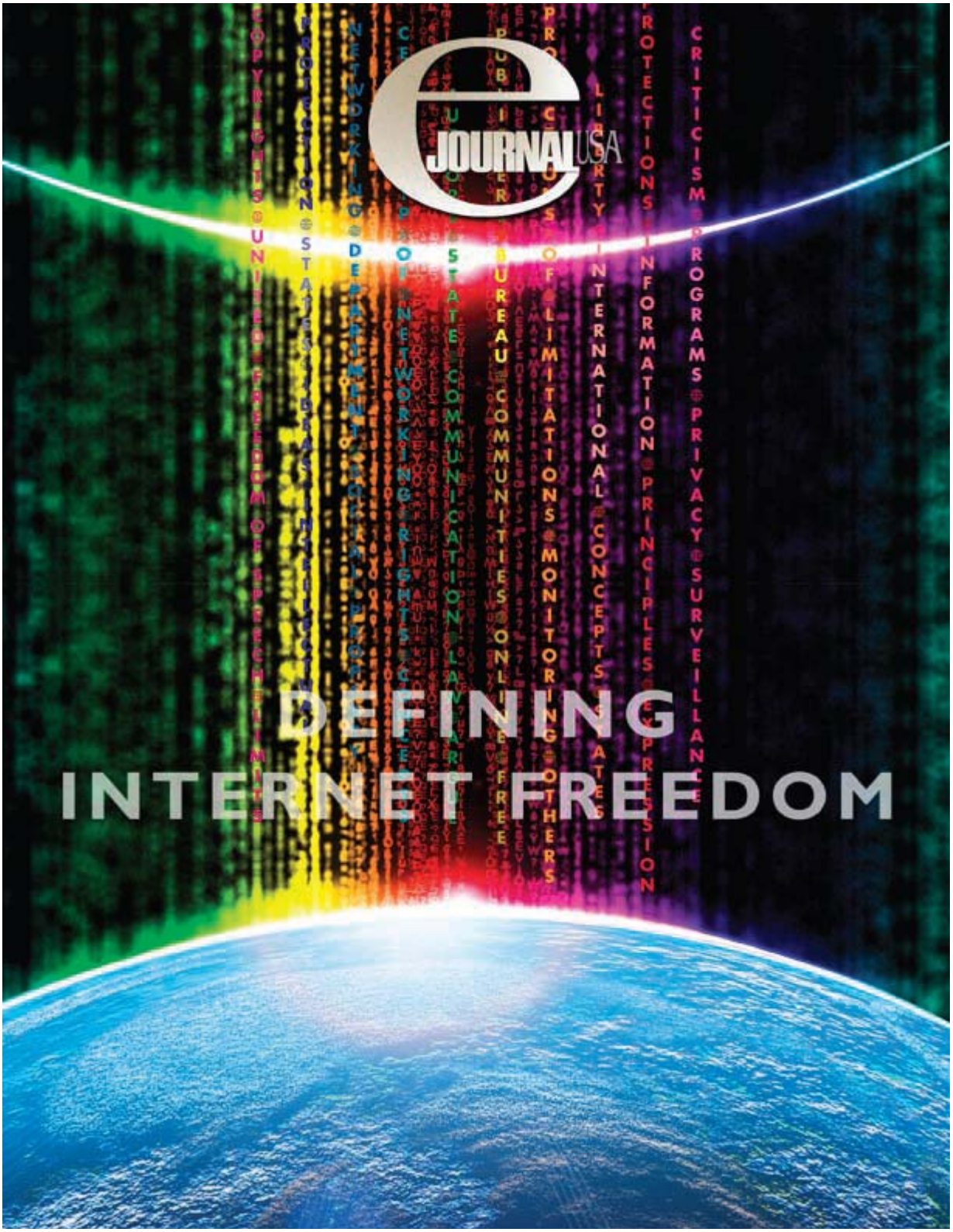

Tạp chí Điện tử của Chương trình Thông tin Quốc tế
Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 6/2010

Về số báo này

Trong một bài phát biểu vào tháng 1 năm 2010, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Rodham Clinton đã so sánh sự phát triển của mạng lưới thông tin trên mạng Internet như "một hệ thống thần kinh mới cho hành tinh chúng ta... Trên nhiều khía cạnh thì thông tin chưa bao giờ được tự do đến thế". Nhưng đồng thời "chúng ta cũng đã thấy hàng loạt những mối đe dọa đến luồng thông tin tự do". Tạp chí *eJournalUSA* kỳ này sẽ bàn về sự khác biệt trong cách các chính phủ và xã hội đương đầu với sự biến đổi nhanh chóng và những công nghệ mới này.

Các chính phủ hiện đang có những vị trí pháp lý và áp dụng chính sách khác nhau trước sự ra đời của ngày càng nhiều các công nghệ giao tiếp dựa trên nền tảng Internet. Động cơ của các chính sách này cũng đa dạng tương tự, bao gồm cả những chuẩn mực văn hóa hay các mục tiêu chính trị. Các cửa hàng cà phê Internet khá phổ biến ở nhiều thành phố, trong đó có ở Bắc Kinh, Cairo và Bangalore (từ phía trên theo chiều kim đồng hồ).

Phần đầu tạp chí nêu lên những khó khăn để có được sự thống nhất về một khái niệm tự do Internet có thể áp dụng trên phạm vi toàn cầu. Hiện nay các quốc gia đang áp dụng rất nhiều biện pháp hạn chế khác nhau, một số hạn chế cho thấy những nỗ lực của chế độ cầm quyền độc đoán nhằm đàn áp các lực lượng đối lập, một số khác lại phản ánh sự đa dạng của truyền thống chính trị và chuẩn mực văn hóa.

Một số bài viết khác nghiên cứu hiện trạng tự do Internet ở những khu vực khác nhau trên thế giới. Một tổ chức phi chính phủ hàng đầu là Freedom House đã nghiên cứu những nỗ lực của các chính phủ nhằm quản lý, quy định và kiểm duyệt các dạng thức giao tiếp xã hội điện tử khác nhau. Kết quả của nghiên cứu cũng được đề cập ở số báo này.

Chúng tôi cũng khảo sát một số cách thức giúp xác định ranh giới của tự do Internet. Thuật ngữ "trách nhiệm trung gian" có thể không làm cho ai đó thực sự chú ý nhưng thuật ngữ này được dùng để xét xem liệu YouTube có phải chịu trách nhiệm vì một đoạn video mang tính chất xúc phạm được tải lên bởi một bên thứ ba hay không. Những vấn đề phân định quyền tiếp cận thông tin của người dân trên toàn cầu, từ đoạn băng những trẻ em nhảy múa cho đến các thư viện công cộng, vẫn đang được mang ra tranh luận hàng ngày.

– Ban Biên tập

Mục lục

CÁC QUỐC GIA KHÁC NHAU CÓ SỰ TỰ DO KHÁC NHAU?

Những điều còn chưa biết về tự do Internet 4

Đẩy mạnh tự do Internet thông qua hệ thống bản quyền 7

Chương trình "Ai đúng": Tranh luận về vấn đề kiểm duyệt Internet 11

LẬP NÊN NHỮNG RANH GIỚI

Tự do Internet: Từ góc nhìn toàn cầu 13

Điện thoại giúp tăng cường truy cập Internet tại Nam Phi 18

Estonia trở thành E-stonia 19

CÁC VẤN ĐỀ VỀ TỰ DO INTERNET

Đừng đổ lỗi cho những trang đưa tin 20

Phân bố mạng băng thông rộng toàn cầu 22

Đoạn phim trẻ em nhảy múa kiểm nghiệm Luật về Internet 23

Google Video bị kiện vi phạm luật riêng tư của Italia 24

Thủ thư của thư viện công cộng giúp xác lập khái niệm tự do Internet 26

Ngành công nghiệp tạo vị thế cho tự do Internet 29

Phá bỏ rào cản trực tuyến 30

Nguồn thông tin tham khảo 31

Nội dung ấn phẩm này có trên Internet tại địa chỉ:

http://www.america.gov/defining_internet_freedom.html *(tiếng Anh)*

http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0610.html *(tiếng Việt)*

Những điều còn chưa biết về tự do Internet

Derek Bambauer

Các quốc gia và xã hội định nghĩa về "tự do Internet" theo những cách khác nhau. Trong khi một số chính phủ hà khắc định nghĩa thuật ngữ này lái theo mục đích riêng của mình, thì nhiều định nghĩa khác lại là hợp lý và dựa trên các nền tảng giá trị. Tác giả muốn truyền tải rằng chúng ta nên tôn trọng những giá trị cơ bản dẫn đến những quyết định này.

Derek Bambauer giảng dạy về luật Internet và sở hữu trí tuệ tại Trường luật Brooklyn ở New York. Ông cũng là tác giả của blog Thông tin/Luật chuyên giải quyết các vấn đề pháp lý trực tuyến.

Theo lẽ thông thường, mọi người đều ủng hộ tự do Internet. Tuy nhiên ở các quốc gia và nền văn hóa khác nhau thì khái niệm "tự do" lại mang ý nghĩa khác nhau và có trọng lượng khác nhau khi đem so sánh với các lợi ích khác. Sự đa dạng về quy phạm này đã gây ra nhiều tranh cãi về quyền truy cập, những đe dọa đối với tự do Internet, việc quản lý nội dung trực tuyến và quản trị Internet. Tóm lại, khái niệm "tự do Internet" hàm chứa một loạt những mâu thuẫn xoay quanh chuyện Internet nên hoạt động như thế nào. Sẽ tốt hơn nếu cởi mở thừa nhận những thách thức này, thay vì xoáy vào việc diễn đạt từ ngữ mà che giấu những lựa chọn khó khăn nhưng không thể tránh khỏi.

Một quán cà phê Internet ở Hà Nội. Chính phủ Việt Nam ngăn chặn việc truy cập các trang khiêu dâm và các nội dung "không lành mạnh" khác. Tác giả cho rằng mục tiêu thực sự của việc này là chặn sự tiếp cận với các nội dung về nhân quyền và bất đồng chính trị.

Đầu tiên, tiếp cận với mạng là yếu tố tiên quyết để có thể có được tự do Internet và đã được xác định theo một cách thức nào đó. Các nước cũng có các quy định khác nhau về *quyền* tiếp cận Internet của các cá nhân. Trong khi một số nước coi việc truy cập Internet, cụ thể là sử dụng băng thông rộng với tốc độ cao là một quyền cơ bản, thì một số nước khác lại coi đó là một đặc ân. Phần Lan quy định rằng có kết nối 1M là một quyền cơ bản của công dân Phần Lan. Tương tự, Hội đồng Hiến pháp của Pháp cũng quy định rằng truy cập Internet là một quyền pháp lý. Hoa Kỳ thì ngược lại khi xem khả năng trực tuyến cũng là một hàng hóa như các hàng hóa khác chứ không coi đây là một quyền. Nếu không có khả năng thanh toán chi phí để kết nối với Internet thì bạn vẫn sẽ ngoại tuyến, hay có thể sử dụng tại các điểm truy cập công cộng sẵn có tại thư viện hay trường học.

Nhưng cho dù truy cập Internet được coi là quyền hay đặc ân cũng đều có quan hệ mật thiết với việc không được truy cập. Đạo luật Kinh tế Số mới đây của Vương quốc Anh đã thiết lập một hệ thống "phản hồi theo cấp độ". Hệ thống này sẽ đình chỉ tài khoản của người sử dụng nếu họ liên tiếp có các hành vi vi phạm bản quyền trực tuyến. Tương tự, bộ luật HADOPI (tên viết tắt của một đạo luật quốc gia khuyến khích việc truyền bá và bảo vệ các tác phẩm sáng tạo trên mạng Internet) của Pháp cũng ngắt kết nối của người sử dụng sau ba lần bị báo cáo vi phạm. Do vậy mà ngay cả những nước quy định truy cập là một quyền thì cũng vẫn phải cân bằng quyền này với các yếu tố khác, chẳng hạn như việc bảo vệ chủ sở hữu của các tài sản trí tuệ. Sự cân bằng này là mấu chốt dẫn đến các khái niệm khác nhau về tự do Internet.

Thứ hai, các xã hội cũng có những quan điểm khác nhau về định hướng của tự do Internet – hay là tự do khỏi ai, hay khỏi cái gì? Chính phủ chính là mối đe dọa chủ yếu đối với tự do Internet. Nhà nước có thể tác động đến tự do trực tuyến theo nhiều cách thức khác nhau, chẳng hạn như hình sự hóa phát ngôn hay

hành vi, giám sát truyền thông hay phong tỏa nội dung. Quan điểm về tự do của Hoa Kỳ trước hết là về việc ngăn chặn quyền lực không bị cản trở của chính phủ. Nhưng vẫn còn những mối đe dọa khác nữa. Chẳng hạn như các quốc gia châu Âu luôn cảnh giác với khả năng của các tập đoàn trong việc thu thập những thông tin riêng tư và thông tin nhận dạng cá nhân của người sử dụng. Những cuộc tranh cãi gần đây xoay quanh việc cài đặt tính riêng tư của người sử dụng Facebook, dịch vụ video của Google ở Italia và dự án ghi lại hình ảnh trên mặt đất của Google Street View đã cho thấy những quan ngại về việc các công ty tư nhân tự do thu thập dữ liệu và cả sự giám sát từ phía Chính phủ.

Ngoài ra, các quốc gia có thể tìm cách ngăn chặn những vi phạm ảnh hưởng đến sự tự do của một cá nhân do một người sử dụng khác gây ra – chẳng hạn như những nội dung sai lệch hoặc phỉ báng gây tổn hại đến uy tín của một cá nhân. Một số nước yêu cầu các bên trung gian như các nhà cung cấp dịch vụ Internet và các trang mạng xã hội phải kiểm soát những nội dung loại này thông qua các quy định về trách nhiệm ràng buộc, trong khi một số chính phủ khác miễn trách nhiệm cho tất cả các bên ngoại trừ tác giả của những nội dung đó. Do vậy, các quốc gia đều có những quan ngại ở mức độ khác nhau trước mối đe dọa đối với tự do Internet.

Thứ ba, các quốc gia có cách thức cân bằng khác nhau giữa tự do biểu đạt và tiếp cận thông tin với những quan ngại về tác hại mà các nội dung trực tuyến có thể gây ra. Những tác hại này có thể gây ảnh hưởng đến các cá nhân (như trong trường hợp nội dung có tính chất phỉ báng), đến những nhóm dân tộc hay tôn giáo thiểu số, hay thậm chí tác động đến cả những giá trị chung của toàn xã hội. Hoa Kỳ coi việc tự do trao đổi thông tin có vai trò quan trọng hơn nhiều yếu tố đối lập khác nên những nội dung như phát ngôn có tính chất thù ghét và nội dung khiêu dâm vẫn được hiến pháp bảo vệ. Tuy nhiên, luật pháp Hoa Kỳ lại cấm một số loại thông tin cụ thể, chẳng hạn như những mối đe dọa thực sự, những tài liệu tục tĩu và nội dung khiêu dâm trẻ em. Pháp và Đức cũng bảo vệ mạnh mẽ quyền biểu đạt cởi mở, nhưng cấm đưa các phát ngôn có tính chất thù ghét lên mạng. Các quốc gia này đã yêu cầu Google phải lọc bỏ những trang có phát ngôn thù ghét khỏi kết quả tìm kiếm trên những trang được viết bằng tiếng Pháp và Đức. Singapore chính thức cấm các nội dung khiêu dâm trực tuyến và chặn người sử dụng truy cập vào một số các trang có nội dung khiêu dâm như một biện pháp tượng trưng. Ả-rập Xê-út, một quốc gia nơi phần lớn dân số là tín đồ Hồi giáo dòng Sunni cũng ngăn chặn việc truy cập những nội dung trái với niềm tin của Hồi giáo dòng Sunni, chẳng hạn như những trang về đạo Baha'i hay về Hồi giáo dòng Shia. Tóm lại, nếu chúng ta coi tự do Internet là việc bảo vệ quyền biểu đạt một cách không giới hạn thì sự tự do này đang bị đối trọng với những mối quan ngại xung đột lợi ích ở nhiều cấp độ, kể cả ở những quốc gia có truyền thống bảo vệ tự do ngôn luận mạnh mẽ.

Sydney, Australia. Chính phủ Australia đã đề xuất một hệ thống kiểm duyệt trên Internet bắt buộc. Những người phản đối cho rằng hệ thống kiểm duyệt này này quá khắt khe.

Cuối cùng, các quốc gia cũng có quan điểm khác nhau về đối tượng cần phải chịu sự quản lý tự do Internet và nên được thực hiện như thế nào. Những cuộc tranh cãi về việc quản lý Internet cũng diễn ra trong một khoảng thời gian gần bằng với lịch sử của chính mạng Internet thương mại. Là quốc gia sáng tạo nên cấu trúc cơ bản của Internet, song Hoa Kỳ hiện tại vẫn giữ một mức độ kiểm soát nhất định đối với hoạt động của mạng lưới này thông qua Bộ Thương mại và ICANN (Tổ chức Cấp phát Tên miền và Số hiệu Internet) trong việc tổ chức quản lý Hệ thống Tên miền và các cơ quan

chuyên trách khác. Hoa Kỳ đã phản đối chuyển giao chức năng của ICANN cho các cơ quan khác, một phần là do quan ngại rằng đặt Internet dưới sự kiểm soát quốc tế sẽ làm suy yếu sự tự do, cụ thể là sự tự do biểu đạt. Mặc dù vậy, các nước khác vẫn tìm kiếm một tiếng nói có trọng lượng lớn hơn trong việc ra quyết định về tiêu chuẩn và giao thức cơ bản của mạng Internet và không muốn bị ràng buộc bởi quan điểm của Mỹ về sự cân bằng hoàn hảo với các nhu cầu khác như an ninh, tính riêng tư và khả năng biểu đạt công khai. Việc này đã dẫn đến các cuộc tranh cãi nóng bỏng trên những diễn đàn như Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin (WSIS) và sự ra đời của các tổ chức tư vấn như Diễn đàn Quản lý Internet (IGF). Như vậy, các nước không chỉ khác nhau về những yếu tố cấu thành nên tự do Internet mà còn khác biệt về cách thức để đạt được tự do Internet trên thực tế.

Tự do là một khái niệm mang nhiều sắc thái. Nó mang ý nghĩa tu từ -- việc mô tả sự phản đối của ai đó khi không thích tự do Internet là một chiến thuật hiệu nghiệm. Khó thực hiện được tự do Internet là do việc sử dụng một thuật ngữ chung cho một loạt các ý nghĩa khác nhau. Tự do có thể được hiểu là chủ nghĩa cá nhân mạnh mẽ, theo đó người sử dụng tùy ý làm những việc mình muốn, miễn là không trực tiếp gây hại đến người khác. Hay nó cũng có thể được xem xét dưới góc độ cộng đồng mà theo đó những đặc ân phụ thuộc vào việc tuân thủ theo các khuôn khổ luật lệ và quy tắc của xã hội. Tự do có thể bảo vệ chúng ta khỏi sự can thiệp của nhà nước, của công ty và của mỗi cá nhân. Tự do có thể chỉ ra rằng chúng ta có quyền lên mạng trực tuyến, hay chúng ta có cơ hội để làm vậy. Do vậy, tự do Internet là một khái niệm phụ thuộc: Ý nghĩa của thuật ngữ này có thể rất khác nhau tùy theo hoàn cảnh sử dụng.

Tuy nhiên, chính tính biến đổi này cũng có những nguy cơ tiềm ẩn của nó. Các chính phủ có thể biện minh rằng đất nước họ có quan niệm riêng về tự do Internet, quan niệm này giải thích cho một số hành động nhất định, nhưng trên thực tế những động thái này là vì lợi ích của chính phủ chứ không phải của người dân. Chẳng hạn như việc Việt Nam chặn truy cập vào một số tư liệu trực tuyến với lí do lo ngại trẻ em có thể tiếp xúc với những tài liệu không lành mạnh như sách báo khiêu dâm. Thực tế, bộ máy chính quyền đang ngăn chặn người sử dụng tiếp cận với những trang về nhân quyền và bất đồng chính trị, chứ không hề chặn được một trang khiêu dâm nào. Nói một cách thẳng thắn thì Chính phủ Việt Nam đang viện cớ để kiểm soát. Chúng ta cần cảnh giác với nguy cơ các chính phủ sẽ lợi dụng sự khác biệt hợp pháp về ý nghĩa cơ bản của thuật ngữ "tự do" trực tuyến để che đậy những hoạt động làm suy yếu sự tự do.

Rốt cuộc, có lẽ thuật ngữ tự do Internet nên được loại bỏ do nó quá rộng để có thể sử dụng một cách hiệu quả. Thay vào đó, các quốc gia, nền văn hóa và người sử dụng cần cố gắng tìm ra giải pháp cho những đánh đổi khó khăn mà giao tiếp Internet đưa ra. Mạng trực tuyến tạo điều kiện cho việc viết sách mỏng và cả các tài liệu khiêu dâm. Truyền thông nặc danh có thể được sử dụng để thông tin về các vụ tham nhũng chính trị, hay cũng có thể được sử dụng để thực hiện các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà không bị phát giác. Việc tổng hợp dữ liệu có thể giúp cá nhân hóa các hoạt động trực tuyến của người dùng, hay cũng có thể tóm lược lại những hoạt động hay giao tiếp của người đó. Việc thẳng thắn thừa nhận những nhượng bộ của chúng ta và tôn trọng những giá trị tiềm ẩn dẫn đến những quyết định này sẽ tốt hơn việc sử dụng thuật ngữ "tự do Internet" để xây dựng nên một sự đồng thuận sai lầm.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

INFO BYTES

Tính đến cuối năm 2009, 1,9 tỷ người trên toàn thế giới đã được sử dụng máy tính.

Đẩy mạnh tự do Internet thông qua hệ thống bản quyền

Peter K. Yu

Nếu những nhà lập pháp muốn đẩy mạnh tự do và tính sáng tạo ở đất nước mình thì họ phải xây dựng một hệ thống quản lý bản quyền để khuyến khích và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các bên và tăng cường tự do Internet.

Peter K. Yu điều hành tổ chức Kern Family Chair về Luật Sở hữu Trí tuệ và là Giám đốc sáng lập Trung tâm Luật Sở hữu Trí tuệ ở Trường Đại học Luật Drake tại Des Moines, bang Iowa.

Mâu thuẫn giữa quyền tự do sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thể hiện trên trang Web chia sẻ video trực tuyến YouTube do Chad Hurley, bên trái, và Steve Chen, bên phải, sáng lập.

Tự do Internet và quyền sở hữu trí tuệ hỗ trợ bảo vệ lẫn nhau, nhưng đôi khi chúng mang những giá trị đối nghịch và dẫn đến mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này khác nhau do tác động của yếu tố lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa và tôn giáo, nên quy chuẩn về sở hữu trí tuệ ở mỗi quốc gia cũng biến đổi theo những hướng khác nhau nhằm bảo vệ tự do Internet.

Những lợi ích của việc bảo vệ bản quyền

Ở nhiều quốc gia trong đó có Hoa Kỳ, bảo vệ bản quyền giúp duy trì sự sáng tạo độc lập. Trước khi có khái niệm bản quyền, các nhà văn, nhạc sỹ, nhà viết kịch và các nghệ sĩ sáng tác khác chỉ sống dựa vào sự tài trợ của chính quyền và sự bảo trợ của giới nghệ sĩ. Đi kèm với sự hỗ trợ đó là những trở ngại đến sự tự do sáng tác. Chỉ có những nghệ sĩ dũng cảm mới dám chống lại người bảo trợ của mình, hay tệ hơn là mạo hiểm cuộc sống của mình vì nghệ thuật.

Việc bảo vệ bản quyền đã giúp giải quyết tình trạng khó xử này. Bằng việc cấp quyền độc quyền bán, bản quyền cho phép các nghệ sỹ thu lại được lợi nhuận để bù đắp cho sự đầu tư thời gian, nỗ lực và nguồn lực của mình. Bản quyền cho phép họ sáng tác và phổ biến tác phẩm dựa trên sở thích, thị hiếu và tài năng của mình. Bản quyền cũng bảo vệ họ khỏi những áp lực từ phía chính phủ hay những nhà tài trợ giàu có.

Trên mạng Internet, bản quyền cũng có những chức năng tương tự. Mặc dù nhiều cư dân mạng sáng tác và phổ biến các nội dung trực tuyến không vì mục đích kinh tế, nhưng với bản quyền, những nghệ sỹ trực tuyến này vẫn sẽ thu được thành quả của mình tại thời điểm và địa điểm họ muốn. Tương tự như các tác phẩm dưới dạng in ấn trên chất liệu thông thường hay trên vải bạt, luật bản quyền cho phép nghệ sỹ sáng tạo mà không phải chịu sự áp đặt người khác. Đây chính là một thành tố quan trọng của tự do Internet.

Hài hòa hai sự tự do mâu thuẫn nhau

Đáng tiếc là tự do của những người sáng tạo trên Internet đôi khi lại mâu thuẫn với tự do của người dùng. Luật bản quyền hạn chế việc người dùng sử dụng lại các câu chuyện, tác phẩm nghệ thuật, hình ảnh, âm nhạc và phim ảnh mà họ tìm thấy trên Internet, nên người dùng lại phàn nàn về sự thiếu tự do trực tuyến.

Để hài hòa những sự tự do mâu thuẫn nhau này, luật bản quyền đưa ra một loạt các giới hạn, ngoại lệ và tự vệ. Chẳng hạn, luật phân biệt rõ giữa các ý tưởng không thể bảo vệ (mọi người đều bình đẳng) và những diễn đạt có thể được bảo vệ (một bài viết tranh luận về sự bình đẳng của con người). Luật cũng cho phép việc sử dụng hợp lý các nội dung có bản quyền, chẳng hạn như trích dẫn một đoạn từ bài viết, bình luận nhận xét một cuốn sách hoặc sáng tác một đoạn nhái hài hước một tác phẩm nào đó. Mặc dù luật bản quyền không thể mang lại tự do không giới hạn cho người sử dụng Internet, song luật vẫn tích cực hài hòa sự tự do này với tự do của những người sáng tạo nội dung Internet.

Sự hài hòa khác cho những quốc gia có xu hướng kìm nén tự do

Ở những quốc gia kiểm soát chặt chẽ các luồng thông tin hay về căn bản kiểm soát ngành văn hóa thì mâu thuẫn giữa tự do Internet và quyền sở hữu trí tuệ có thể lớn hơn. Mặc dù cần thiết phải ủng hộ khối sáng tác độc lập, nhưng tạo điều kiện cho công chúng biểu đạt về bản thân trên mạng cũng quan trọng không kém. Trong một số hoàn cảnh nhất định thì nhu cầu biểu đạt bản thân của công chúng còn quan trọng hơn việc ủng hộ lĩnh vực sáng tạo độc lập.

Trong trường hợp này, người dùng Internet có nhu cầu sử dụng mà không cần xin phép những tài liệu trước đó đã được cơ quan kiểm duyệt cho phép hay các tài liệu chỉ sẵn có ở nước ngoài. Ví dụ như để cung cấp một nguồn thông tin thay thế khác, người dùng có thể đưa lại lên mạng những câu chuyện, đoạn băng hay các bức ảnh có bản quyền bởi nếu không thì những tài liệu này không có sẵn trên mạng. Họ có thể cũng cần phải nêu lại mục đích của những tài liệu đã có để giải quyết các vấn đề mà họ không thể thảo luận được do bị chính phủ kiểm duyệt.

Trong những xã hội kìm nén tự do thì những tác phẩm nhại lại, trào phúng, sử dụng từ mật mã, uyển ngữ và nói bóng gió trở thành phương tiện chủ yếu để truyền bá văn hóa. Người ta thường sử dụng những tài liệu có vẻ như không liên quan đến thông điệp chủ ý ban đầu để tạo sự liên tưởng, liên hệ với những ý nghĩa ngầm, tạo hiệu ứng cảm xúc và quan trọng nhất là để tránh bị kiểm duyệt. Cho dù đó là một đoạn phim được phối lại từ những bộ phim của phương Tây, đồng bộ hóa nội dung cho đến những bài hát rock 'n roll… những nội dung được sử dụng với mục đích khác đều chứa đựng những nhiều ẩn ý phong phú nhằm cung cấp những bình luận quan trọng về xã hội.

Dù đôi khi chúng ta có phân biệt những tác phẩm được công chúng quan tâm – như tin tức chẳng hạn – với những tác phẩm được tạo ra vì mục đích thương mại hay giải trí song việc phân biệt này thường không có nhiều ý nghĩa ở những quốc gia mà việc lưu hành thông tin bị hạn chế. Mặc dù rất nhiều sản phẩm giải trí không gây tranh cãi, chúng mang tính thương mại cao và có vẻ phù phiếm nhưng vẫn có thể chứa đựng những thông tin chính trị hữu ích.

Trên thực tế cũng không phổ biến những bộ phim hay chương trình truyền hình nói về những hình thức nhà nước khác nhau, về nhu cầu kiểm soát và đối trọng và phân chia quyền

Diễn viên và nghệ sỹ lồng tiếng Todd Smith, nghệ danh LL Cool J, điều trần tại Thượng viện Mỹ về việc chia sẻ bất hợp pháp các tập tin nhạc.

lực, hay việc bảo vệ các quyền theo hiến pháp và tự do dân sự. Các sản phẩm thương mại có thể được tạo ra vì mục đích giải trí, nhưng ở một số nước thì đây cũng là một cửa sổ mở ra thế giới bên ngoài.

Ngoài ra, không phải ai cũng có thể là một nghệ sĩ sáng tác. Và trong hoàn cảnh một số chính phủ đã ngược đãi nghệ sĩ và những nhà tư duy khởi nguồn thì không phải ai cũng nên trở thành nghệ sĩ sáng tác. Ở một số quốc gia, việc sử dụng lại, thử nghiệm hoặc sử dụng những tài liệu với mục đích khác từ nền văn hóa đại chúng có thể là một phương tiện hiệu quả để thu hút sự chú ý và liên tưởng của công chúng. Vì những tài liệu này được người khác tạo ra và giữ bản quyền, nên mâu thuẫn cũng có thể phát sinh giữa tự do Internet và các quyền sở hữu trí tuệ.

Nếu hệ thống bản quyền không cân bằng được hai hình thức bảo vệ này thì công dân ở những quốc gia bị đè nén tự do sẽ có ít cơ hội được sử dụng những tư liệu sẵn có một cách sáng tạo hơn. Và khi có ít phương thức bảo đảm sự an toàn về mặt chính trị để thể hiện bản thân mình hơn thì họ cũng sẽ có ít quyền được nói hơn. Hệ lụy là họ sẽ có ít cơ hội tham gia vào các cuộc tranh luận dân sự, phát triển nền dân chủ tự quản, khuyến khích sự đa dạng về ý thức hệ và biểu đạt, và quan trọng nhất là tạo nên những thay đổi về chính trị, xã hội và văn hóa. Sự phát triển của xã hội dân sự do vậy cũng sẽ bị kìm hãm.

Nguy cơ lạm dụng việc bảo vệ bản quyền

Đôi khi chính quyền lấy danh nghĩa bảo vệ sở hữu trí tuệ để dập tắt sự bất đồng chính kiến. Khi một ai đó dùng lại những tài liệu được bảo vệ bản quyền, chính quyền có thể dễ dàng quy kết họ vi phạm luật bản quyền thay vì thừa nhận rằng mình đã tiến hành kiểm duyệt. Hoạt động bảo vệ bản quyền trong những hoàn cảnh khác là hoàn toàn hợp pháp, nhưng không may trong trường hợp này đã được sử dụng để hợp pháp hóa những hành động vi phạm nhân quyền.

Xu hướng yêu cầu phải quản lý những người sử dụng Internet đang được áp dụng ngày càng rộng rãi hơn và gây ra khá nhiều phiền nhiễu. Các chính quyền yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải hỗ trợ việc bảo vệ bản quyền bằng cách quản lý những người sử dụng, kiểm duyệt những nội dung trên trang web và lưu lại thông tin về các hoạt động của chủ thuê bao. Những yêu cầu này và yêu cầu của những cơ quan kiểm duyệt rõ ràng là tương tự như nhau. Trên thực tế, khi bắt đầu được thực thi ở Anh, bản quyền đã được sử dụng như một công cụ chính trị để kìm nén bất đồng và dị giáo.

Việc giám sát Internet vì mục đích bản quyền cũng có thể gây nguy hiểm như việc giám sát Internet vì mục đích kiểm duyệt. Một ví dụ điển hình là việc chính quyền có thể dễ dàng yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ Internet trao những thông tin về hoạt động có thể là bất hợp pháp của những chủ thuê bao khi họ trực tuyến hay vi phạm bản quyền. Thông tin này có thể dẫn đến việc bắt giữ, quấy nhiễu, hăm họa hay tống giam những người bất đồng chính kiến trên Internet. Nó còn có thể được sử dụng làm chứng cứ để đưa ra những bản án phạt tù.

Nguy hại hơn nữa là việc thu thập thông tin của chủ thuê bao có thể dẫn đến việc tự kiểm duyệt. Nếu những người sử dụng Internet lo ngại rằng các quan chức có thể sử dụng thông tin thu thập được để dựng lại những hành động trên Internet trong quá khứ, họ có thể sẽ do dự hơn khi thảo luận những vấn đề nhạy cảm trực tuyến. Một vòng luẩn quẩn lại bắt đầu. Những người sử dụng Internet không những ít được tự do hơn mà còn có ít động lực hơn để sáng tạo – một kết cục đi ngược lại với mục đích mà bản quyền mong muốn hướng tới.

Sự cần thiết của một sự cân bằng hợp lý

Việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ có thể đem lại ích lợi nhưng đồng thời cũng có thể làm tổn hại đến tự do Internet. Để hai hoạt động này có thể bổ trợ lẫn nhau thì hệ thống sở hữu trí tuệ cần phải được thiết kế để khuyến khích tự do Internet. Ở những quốc gia mà luồng thông tin

bị kiểm soát chặt chẽ, thì sự cân bằng về luật bản quyền cần được điều chỉnh thêm để mang lại được những trường hợp khác biệt lớn.

Để khuyến khích tự do Internet, các nhà lập pháp cần đặc biệt lưu ý đến những giới hạn và trường hợp ngoại lệ của vấn đề bản quyền. Chẳng hạn như họ có thể đưa ra khái niệm sử dụng ở mức độ hợp lý, bảo vệ những tác phẩm bắt chước, cho phép một số ngoại lệ khi sử dụng vì mục đích giáo dục, hay đặt ra những giới hạn cho quyền mô phỏng.

Nhờ những biện pháp cân bằng này, các nhà hoạch định chính sách có thể biến mâu thuẫn giữa tự do Internet và các quyền sở hữu trí tuệ thành cơ hội để chúng bổ trợ đắc lực cho nhau. Khi được kết hợp một cách hợp lý thì tự do Internet và quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp người dân khai thác được toàn bộ tiềm năng của mạng Internet. Hai lĩnh vực này cũng sẽ mang lại tự do cho cả những tác giả và những người dùng Internet.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Chương trình "Ai đúng" (Who's Right): Tranh luận về vấn đề kiểm duyệt Internet

"Who's Right?" là một chuyên đề đặc biệt thường xuyên trên trang America.gov.

Loạt chương trình mang tên Ai đúng (Who's right), *dưới hình các cuộc tranh luận trên website* http://www.america.gov/whos_right_archives.html, *đã thu hút rất nhiều chuyên gia cùng tranh luận và khảo sát về các chủ đề gây nhiều tranh cãi. Gần đây, Giáo sư Derek Bambauer (Trường Luật Brooklyn) và Richard A. Epstein (Đại học Luật Chicago) đã có buổi tranh luận về chủ đề Kiểm duyệt Internet. Quan điểm của hai ông về vấn đề này có vẻ giành ưu thế hơn so với phía đối lập.*

Derek Bambauer: Chúng ta đang sống trong một thế giới mà vấn đề kiểm soát và theo dõi việc sử dụng Internet đã trở thành mối bận tâm của tất cả mọi người. Không chỉ có các công ty công nghệ ở Trung Quốc, Ai Cập hay Pakistan phải đối mặt với bài toán hóc búa đó mà ngay cả ở Australia và Ấn Độ cũng vậy. Tại Mỹ, các công ty viễn thông phải tích hợp cả chức năng nghe trộm điện thoại vào các sản phẩm và dịch vụ của mình. Khi việc bí mật theo dõi trở thành một phần của hệ thống điện thoại Internet thì chức năng đó cũng sẽ được ứng dụng cho các quốc gia nơi sự rình mò còn ít hơn nhiều so với ở FBI.

Trung Quốc, Australia và Ethiopia đều có chung một phương án hành động: Họ sử dụng cả công nghệ lẫn pháp lý để hạn chế khả năng truy cập các nội dung trực tuyến cũng như bí mật theo dõi việc trao đổi thông tin qua mạng. Vì thế, chúng ta cần có một phương án tiếp cận mới để hướng dẫn việc quyết định thời điểm tiến hành sàng lọc và kiểm soát sử dụng Internet, bởi thế giới nhị phân không còn tồn tại, dù có sự kiểm soát hay không.

Quan điểm này có vẻ hơi cực đoan. Tôi cho rằng các nước vẫn có thể kiểm soát về mặt pháp lý hoạt động Internet (thực tế cho thấy đôi khi các nước vẫn có thể do thám công dân của chính họ - nước nào cũng làm thế từ rất lâu rồi). Nhân tố chính quyết định tính hợp pháp nằm ở chỗ các quốc gia áp dụng quy trình ra quyết định sàng lọc các nội dung trên mạng Internet như thế nào, cũng như mức độ chính xác trong việc chặn nội dung truy cập trên thực tế.

Richard Epstein: Theo ông thì sẽ khó xác định được lý do thích hợp vì mỗi nước lại sàng lọc các loại thông tin trên Internet khác nhau. Tôi không chắc chắn lắm về điều này. Có phải chúng ta đều có chung quan điểm về việc người Trung Quốc hạn chế các bài diễn thuyết chính trị không? Và có phải Mumbai chỉ ngăn chặn các bài diễn thuyết của những nhóm Hindu cực đoan không? Còn trường hợp người Pháp cấm các hình ảnh của những nhóm theo chủ nghĩa da trắng độc tôn? Và còn quyết định của New Zealand về việc cấm các văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em? Thêm vào đó là việc Mỹ chặn hành vi sử dụng bất hợp pháp các tư liệu có bản quyền. Vậy là năm nước quan tâm đến năm lĩnh vực khác nhau…

Ông cho là chúng ta nên quan tâm đến quy trình hay cách thức chính phủ đưa ra quyết định… Tôi không tán thành với ý kiến đó. Tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa tự do cổ điển từ rất lâu, và thực tiễn đã cho tôi thấy rằng chúng ta nên đánh giá việc lập pháp và các hành động khác của chính phủ qua việc làm cụ thể. Tôi dám chắc là chúng ta có thể tìm ra những quy tắc phù hợp để xem xét kết quả của quá trình làm luật hơn là phỏng đoán về những cách thức khác nhau mà mỗi quốc gia sử dụng trong quá trình lập pháp của họ. Tôi không tin là người ta có thể chấp nhận một đạo luật phi lý chỉ vì nó được tạo nên bởi những quy trình hoàn hảo. Tương tự như vậy, tôi không tin là những bộ luật tốt, có vẻ được tạo ra một cách ngẫu nhiên bởi những quy trình kém dân chủ hơn, lại bị chỉ trích.

Derek Bambauer: Phương pháp của ông có vẻ khá thuyết phục vì nó xem xét khía cạnh kết quả hơn là quá trình. Tôi rất muốn tìm hiểu thêm về vấn đề này – Vậy chúng ta nên ưu tiên những giá trị nào khi đánh giá việc kiểm duyệt? Những giá trị đó xuất phát từ góc nhìn của người Mỹ hay mang tính toàn cầu? Tôi e là khi một cách tiếp cận chỉ đơn thuần dựa trên các giá trị ở Mỹ thì nhiều khả năng sẽ gặp phải sự bất thuận của các nước khác, trong khi chúng ta rất cần sự hỗ trợ của họ. Các quốc gia khác thường phải miễn cưỡng ra vẻ tuân theo các chuẩn công khai của Mỹ, phần vì những mâu thuẫn với các giá trị của chính họ, phần vì chính phủ nước đó sợ bị liệt vào thứ hạng thấp. Tuy nhiên, một phương án tiếp cận mang tính toàn cầu lại có nguy cơ làm giảm mức độ cam kết như cái giá để đạt được sự đồng thuận. Phương án tiếp cận chỉ dựa trên quan điểm về thông tin của một nước có vẻ là không thực tế.

Các công ty công nghệ phải hết sức cẩn trọng khi đưa ra quyết định về nội dung thông tin, xác định nội dung nào mang tính kích động, nội dung nào chỉ là phê bình đơn thuần. Đơn cử như trường hợp của mạng xã hội YouTube: liệu mạng này có nên chấp thuận yêu cầu của Chính phủ Iran và xóa đoạn phim về vụ Neda Salehi Agha Soltan bị bắn không? Đoạn băng hình đó cũng có thể gây nên làn sóng phản đối tại Iran. Việc phân định rạch ròi giữa nội dung kích động và phê bình không hề đơn giản chút nào.

Anh và Mỹ chắc chắn sẽ phản đối những bài viết của Thomas Paine. Tương tự như vậy, Myanmar cũng đã phong tỏa các thông tin do bà Aung San Suu Kyi và Liên minh Quốc gia vì Dân chủ đưa lên. Ở đây thì những phân tích dựa trên quá trình sẽ có thể đưa ra những quy tắc rõ ràng hơn cho các công ty, cho phép họ đưa ra quyết định nhanh và ít tốn kém hơn (cũng như tốt hơn). Phương pháp ra quyết định sàng lọc thông tin của Iran là võ đoán, hạn chế cơ hội tham gia của người dân và thiếu tính minh bạch; YouTube nên từ chối bất cứ yêu cầu nào về việc xóa bỏ video vụ Neda Salehi Agha Soltan bị bắn.

Richard Epstein: Về mặt đạo lý mà nói, tôi vẫn là một người theo thuyết phổ biến. Những kiến thức về luật La Mã khiến tôi tin rằng các mối quan hệ xã hội ở từng nơi về cơ bản không khác nhau. Những điều khác biệt có chăng là về mặt hình thức và thể chế dùng để củng cố thêm những quy tắc nền tảng bền vững đó. Hiến pháp Hoa Kỳ đã thành công tương đối vì đã chấp nhận những tiêu chuẩn phổ quát về quyền bất khả xâm phạm tài sản và khế ước, những tiêu chuẩn đòi hỏi chính phủ phải kiểm soát bạo lực và gian lận. Những giá trị này không chỉ có ở Mỹ mà có thể thấy tại các nước theo hệ La Mã hay Anh Quốc trên toàn cầu. Những người sáng lập nên nước Mỹ cũng không xác định giá trị đó là của riêng nước Mỹ. Các nước đều sẵn lòng học hỏi và tham khảo lẫn nhau.

Truy cập địa chỉ http://www.america.gov/e-exchange_internet.html để biết thêm thông tin về cuộc tranh luận Ai đúng *về vấn đề kiểm duyệt Internet.*

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Tự do Internet: Từ góc nhìn toàn cầu

Daniel Calingaert và Sarah Cook

Theo báo cáo của một tổ chức phi chính phủ hàng đầu, dù Internet mang lại cho người dân cơ hội rất lớn để thể hiện quan điểm của họ, nhiều chính phủ vẫn đang tìm cách khống chế về nội dung và việc truy cập Internet.

Daniel Calingaert là Phó Giám đốc phụ trách chương trình tại Freedom House, một tổ chức phi lợi nhuận được tài trợ bởi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Google và các nguồn khác để khuyến khích tự do Internet. Sarah Cook là một chuyên gia phân tích nghiên cứu chuyên về châu Á. Cô là trợ lý biên tập cho ấn phẩm phát hành năm 2009 "Freedom on the Net (Tự do trên mạng)".

Những năm gần đây, khả năng tiếp cận những công nghệ trực tuyến bùng nổ đã tăng theo cấp số nhân. Cùng với đó, Internet cũng giúp gia tăng đáng kể cơ hội tiếp cận nguồn thông tin phong phú từ dư luận, đưa ra ánh sáng các vụ lạm dụng chức quyền cũng như thúc đẩy các hoạt động của công dân. Internet đã cung cấp không gian rộng hơn cho tự do ngôn luận tại các quốc gia dân chủ cũng như tại các nước vẫn còn bị hạn chế về các phương tiện truyền thông như báo in và phát thanh truyền hình truyền thống. Trước thực trạng đó, chính phủ nhiều nước cũng đã đưa ra các biện pháp để kiểm soát, điều phối và kiểm duyệt nội dung của các blog, trang web và các tin nhắn.

Sự phát triển của những biện pháp kiểm soát này đã làm dấy lên một số câu hỏi như: những mối đe dọa chính đối với tự do Internet là gì? Liệu Internet có mang lại tự do cho những người bị đàn áp, hay trái lại, lại bị kiểm soát để củng cố thêm sức mạnh của bộ máy đàn áp? Liệu Internet có bị hạn chế tại các nước dân chủ hay những rào cản đối với tự do trên phương tiện truyền thông số cũng đang phát triển tại các nước đó?

Freedom House đã vào cuộc để tìm câu trả lời cho những câu hỏi đó. *Freedom on the 'Net (Tự do trên Internet)*, một cuộc khảo sát do tổ chức

Yoani Maria Sánchez Cordero đã nổi tiếng khắp thế giới nhờ blog của mình. *Thế hệ Y* bất chấp những hạn chế đối với Internet do Chính phủ Cuba áp đặt. Tổ chức Freedom House xếp Cuba thuộc nước có ít tự do nhất trong số 15 quốc gia được nghiên cứu.

này thực hiện, đã xếp hạng cấp độ tự do Internet tại 15 quốc gia tại bốn lục địa với nhiều môi trường pháp lý khác nhau, từ tự do đến hà khắc. Theo kết quả của cuộc khảo sát, những nguy cơ làm giảm tự do Internet đang gia tăng và phát triển đa dạng, thể hiện ở cả loại hình các quốc gia áp dụng lẫn phương pháp áp dụng các biện pháp kiểm soát.

Các nhà cầm quyền độc đoán đã hiểu được sức mạnh của Internet và đang tích cực giảm bớt tác động của nó. Một vài chính phủ áp chế tại các nước như Cuba chỉ cho phép một bộ phận nhỏ dân cư có thể truy cập Internet. Có rất ít điểm truy cập Internet và phí dịch vụ gần như nằm ngoài tầm với của đa số người dân.

Những nhà cầm quyền tại các nước khác như Trung Quốc, Iran và Tunisia, dù rất tích cực khuyến khích việc sử dụng Internet để kích thích đổi mới và tăng trưởng kinh tế nhưng lại đặt ra hàng loạt các quy định kiểm soát các phương tiện truyền thông số nhằm ngăn chặn việc tận dụng các phương tiện này của những người chỉ trích chính phủ. Các thể chế này vẫn tiếp tục duy trì những hệ thống kiểm duyệt, kiểm soát đa tầng rộng khắp nhằm bóp nghẹt đối kháng hay phơi bày các tệ nạn như tham nhũng trên mạng. Họ đặt ra các giới hạn khắt khe về nội dung người dân có thể truy cập, đăng tải trên mạng hoặc gửi qua điện thoại di

động. Tình trạng giám sát các trao đổi qua điện thoại và Internet rất phổ biến và nếu ai đó dám phê phán chính phủ trên Internet sẽ phải đối mặt với nhiều phiền toái, bỏ tù hoặc thậm chí là tra tấn.

Tại những nước mà mức độ áp chế thấp hơn, ví dụ như Hy Lạp, Malaysia và Nga, Internet đã trở thành nơi hội tụ của những bài phát biểu tương đối tự do trong môi trường truyền thông ít bị hạn chế khác. Tuy nhiên, không gian tự do ngôn luận đang dần bị thu hẹp vì các chính phủ lại nghĩ ra những biện pháp tinh vi hơn để quản lý việc trao đổi trực tuyến, cũng như áp dụng một cách hữu ý những bộ luật không rõ ràng về an ninh để đe dọa và bắt giữ các thành phần đối kháng. Điều này vô hình chung đã tạo ra tâm lý tự kiểm duyệt trong giới nhà báo và các nhà phê bình.

Thậm chí ngay cả với các nước dân chủ hơn như Vương quốc Anh, Brazil và Thổ Nhĩ Kỳ, tự do Internet cũng đang bị mất dần do rào cản luật pháp, những quy trình sàng lọc không rõ ràng và việc mở rộng tầm kiểm soát.

Web 2.0

Tiếp theo sự gia tăng về số lượng người dùng Internet theo cấp số nhân từ năm 2000, sự xuất hiện của thế hệ Web 2.0 và sự phát triển mạnh mẽ của các mạng xã hội trực tuyến đã cho phép người bình thường cũng có thể tạo và phổ biến thông tin. Trong khi các phương tiện truyền thống truyền bá thông tin theo chiều dọc thì những ứng dụng Web 2.0 giúp phát tán thông tin theo chiều ngang, và vì thế ảnh hưởng sâu sắc đến cách chúng ta trao đổi thông tin.

Hàng chục triệu dân thường trên khắp thế giới đã trở thành những người xuất bản và truyền bá thông tin. Họ viết báo; quay video; điều tra các vấn đề nhạy cảm; bình luận về các chủ điểm chính trị, xã hội và các chủ đề khác. Ở những nước áp chế các phương tiện truyền thông, các blogger thường đi tiên phong trong nỗ lực đẩy lùi những giới hạn đối với tự do ngôn luận. Những ứng dụng Web 2.0 không chỉ khuyến khích tự do bày tỏ quan điểm độc lập mà còn khuyến khích cả việc tự do lập hội. Những ứng dụng này tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận và tương tác giữa các cá nhân diễn ra mà không gặp phải rào cản nào về vị trí địa lý. Chúng tạo nên các cộng đồng dân cư trực tuyến có cùng sở thích cũng như khiến cho việc truyền bá thông tin trở nên nhanh chóng. Vì vậy mà các phương tiện truyền thông số đã được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động dân sự. Ở Kenya, các nhà hoạt động đã phát động một chương trình mang tên Ushahidi trong vụ bùng nổ bạo lực sắc tộc hậu bầu cử năm 2007. Chương trình này liệt kê các sự cố bằng cách sử dụng các tin nhắn từ điện thoại di động của người dân và đăng trên một bản đồ để theo dõi các sự kiện đang xảy ra. Chương trình sau đó được áp dụng lại trong các sự kiện đình đám khác như trong các cuộc bầu cử tại Ấn Độ, các cuộc chiến tại dải Gaza và cứu trợ động đất ở Haiti.

Internet cung cấp không gian lớn hơn để người dùng tự do biểu đạt so với các phương tiện truyền thông truyền thống nhờ vào cấu trúc lan tỏa phẳng ít tầng bậc. Kết quả cuộc khảo sát *Freedom of the Press (Tự do báo chí)* của Freedom House khi sử dụng cùng một thang đánh giá cho thấy, ngoại trừ một trường hợp ngoại lệ, còn lại tất cả 14 quốc gia tham gia cuộc khảo sát *Tự do trên Internet* đều có mức độ tự do Internet

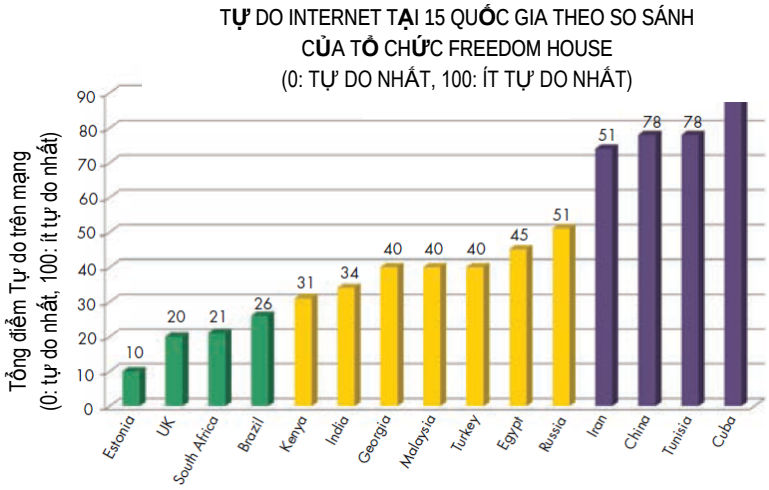

Tổ chức phi chính phủ quốc tế Freedom House điều tra mức độ tự do Internet tại 15 quốc gia được chọn. Thanh màu xanh (phía ngoài bên trái) là mức độ "Tự do", thanh màu vàng thể hiện "Tự do một phần" và thanh màu đỏ tía (phía ngoài bên phải) thể hiện mức độ "Không tự do" về chỉ số Tự do trên mạng.

cao hơn so với các phương tiện truyền thông nói chung. Sự khác biệt về thứ hạng giữa tự do Internet và tự do trên các phương tiện truyền thông truyền thống chủ yếu tập trung ở các nước xếp hạng "tự do một phần".

Trấn áp 2.0

Với bản chất cấu trúc lan tỏa phẳng ít tầng bậc, mạng Internet không những trao quyền cho người dân theo những cách thức mà phương tiện truyền thông truyền thống không thể làm được mà còn khiến luồng thông tin trở nên khó kiểm soát hơn. Mặc dù vậy, các chính quyền độc tài vẫn nỗ lực hạn chế hoạt động truyền thông ngang và cản trở hoạt động phổ biến các thông tin trái chiều ở trong nước. Cho dù mục đích chính là nhằm bịt miệng các nhà phê bình trong nước và ngăn chặn sự trỗi dậy của các lựa chọn chính trị thay thế, nhưng hoạt động kiểm soát được thiết lập để đạt được mục tiêu này tất yếu mang tính xâm phạm nhiều hơn và ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều người hơn so với những hạn chế đối với các phương tiện truyền thông truyền thống.

Một số quốc gia đã phát triển hàng loạt các biện pháp kiểm duyệt và giám sát để hạn chế tự do Internet:

• Việc truy cập các ứng dụng Web 2.0 như mạng xã hội Facebook và YouTube đều bị chặn vĩnh viễn hoặc tạm thời. Hoạt động ngăn chặn này thường được thực hiện quanh thời gian diễn ra các sự kiện cụ thể. Chính quyền Trung Quốc đã áp dụng biện pháp này trong thời gian bất ổn tại Thiên Tân năm 2009. Myanmar cắt toàn bộ hoạt động truy cập mạng Internet toàn cầu trong trong một số ngày của năm 2007 sau vụ đàn áp bạo lực đối với người biểu tình hòa bình trong cuộc "Cách mạng Saffron". Iran cấm sử dụng sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng tại nhà và tại các quán cà phê.

• Việc kiểm duyệt bằng biện pháp kỹ thuật được các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) thực hiện nhằm ngăn chặn việc truy cập một số bài báo hoặc trang web cụ thể trên mạng. Nếu được sử dụng một cách rộng rãi, các phương tiện kiểm duyệt có thể "chặn đứng" một cách hiệu quả các luồng thông tin. Mục tiêu của các phương tiện kiểm duyệt có thể là các từ khóa, đặc biệt các địa chỉ web nhất định hoặc toàn bộ tên miền. Theo tổ chức Open Net Initiative, có ít nhất 25 quốc gia kiểm duyệt các nội dung Internet ở một mức độ nhất định.

• Người kiểm duyệt giám sát và tự tay gỡ bỏ các bài viết được tải lên các trang nhật ký cá nhân trực tuyến (blog). Họ đóng cửa hoạt động của các diễn đàn thảo luận trực tuyến bàn về các chủ đề bị cấm như vi phạm nhân quyền, phê bình các chính khách hay hiện tượng tham nhũng của các quan chức. Các chính quyền, chẳng hạn như Nga hoặc các quốc gia khác, bí mật gọi điện gây áp lực cho các blogger hoặc người quản lý máy chủ các trang web phải gỡ bỏ một số nội dung nhất định.

• Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các biện pháp can thiệp trực tiếp của các cơ quan chức năng nhà nước, một số chính quyền ngày càng có xu thế "thuê ngoài" các công ty tư nhân thực hiện các hoạt động kiểm duyệt và theo dõi – các công ty này gồm các nhà cung cấp dịch vụ Internet, các công ty sở hữu máy chủ blog, các cửa hàng Internet và nhà khai thác mạng di động. Các công ty có nguy cơ bị phạt hoặc tịch thu giấy phép kinh doanh nếu họ không kiểm duyệt các nội dung về chính trị, không kiểm soát các hoạt động trên Internet hay không thu thập dữ liệu về người dùng Internet. Người dùng phải đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ Internet khi họ đăng ký đường truyền tại nhà hoặc tại cơ quan, vì vậy mà họ không thể ẩn danh khi truy cập Internet.

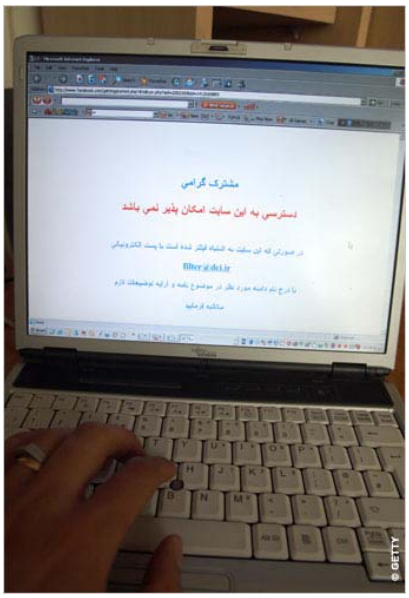

Iran được xếp vào các quốc gia kém tự do nhất xét về các chính sách Internet. Trong suốt thời gian chính quyền tổ chức các hoạt động trấn áp vào tháng 5 năm 2009, khi đăng nhập vào mạng Facebook, người dùng thấy hiển thị tin nhắn "Trang web không thể truy cập được."

• Một số chính phủ trả công cho các bình luận viên mật theo đường lối ủng hộ chính quyền hoặc các trang web hoạt động bằng ngân sách nhà nước để tạo ảnh hưởng trên các diễn đàn trực tuyến. Chính phủ Trung Quốc thuê khoảng 250.000 nhà bình luận thuộc "đội quân 50 xu". Theo các nguồn thông tin thì những người này nhận được 50 xu tiền Trung Quốc cho mỗi bài viết ủng hộ chính quyền.

• Các chính phủ độc tài sử dụng các luật về báo chí chống lại việc nhạo báng, phỉ báng, tiết lộ bí mật quốc gia… để trừng phạt những người chống đối chính phủ trực tuyến. Cuba đã khởi tố các nhà báo mạng theo các tội danh chung chung như "đối tượng nguy hiểm đối với xã hội nhưng chưa phạm tội". Trung Quốc đã ban hành trên 80 nghị định điều chỉnh trực tiếp các vấn đề liên quan tới Internet và tuyên phạt các án tù nặng nhất trên thế giới với các tội xâm phạm qua mạng, thường từ ba đến mười năm tù. Nhiều vụ khởi tố các cũng đã diễn ra ở Tunisia, Iran, Syria, Ai Cập và Malaysia, các lý do thường xuyên được viện dẫn là nhạo báng lãnh đạo nhà nước hoặc đạo Hồi. Theo Ủy ban Bảo vệ Nhà báo, năm 2008 chứng kiến lần đầu tiên có nhiều nhà báo mạng bị bắt giam hơn các nhà báo truyền thống, hoặc do bị khởi tố theo đúng trình tự pháp lý hoặc bị giam giữ bất hợp pháp.

• Nếu không bị giam giữ, các blogger và các nhà báo mạng thường bị đe dọa bằng các biện pháp như giám sát liên tục 24 giờ, quấy rối, bắt giữ vô cớ và thậm chí là tra tấn. Ai Cập có môi trường Internet tương đối mở, nhưng chính quyền nước này nhằm vào mục tiêu là phạt một số các nhân vật nổi bật để làm gương và tạo tâm lý sợ hãi trong giới đồng nghiệp của họ.

• Blog và các trang web bị phá hoại hoặc là mục tiêu của các vụ tấn công từ chối dịch vụ, khiến trang web bị gián đoạn hoặc ngừng hoạt động toàn bộ. Một ví dụ là vào lễ kỷ niệm lần thứ nhất cuộc Cách mạng Saffron tại Myanmar, các trang tin tức độc lập có máy chủ tại Thái Lan như *Irrawaddy* và *New Era* đã trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công trên mạng.

Freedom House xếp hạng "không tự do" đối với các nước kiểm soát gắt gao nhất, như Trung Quốc, Iran và Tunisia do các nước này đã sử dụng tất cả các biện pháp áp chế để kiểm soát Internet. Những nước này đã xây dựng các hệ thống tinh vi nhiều tầng để kiểm soát luồng thông tin trực tuyến.

Các quốc gia khác như Ai Cập, Malaysia và Nga đều cho phép tự do trực tuyến ở mức độ đáng kể nhưng đang hướng đến việc kiểm soát gắt gao hơn. Các quốc gia này khuyến khích việc mở rộng truy cập Internet và ít khi trực tiếp chặn các hoạt động bày tỏ ý kiến trực tuyến, mặc dù các phương tiện truyền thông truyền thống lại bị hạn chế ngặt nghèo hơn. Tuy nhiên, tại các quốc gia này, sự ảnh hưởng của nhà nước đến các nội dung trên mạng được thể hiện một cách tinh vi hơn thông qua các biện pháp xử lý chủ động hoặc bí mật gây áp lực, trấn áp người dân không cho vận động trực tuyến và phạt nặng các nhà phê bình trên mạng. Freedom House xếp hạng các quốc gia này ở mức độ "tự do một phần".

Tự do và hạn chế Internet trong các nền dân chủ

Các quốc gia được xếp hạng "tự do" trong nghiên cứu "*Tự do trên mạng*" bao gồm Estonia (quốc gia xếp hạng cao nhất trong mẫu xếp hạng thí điểm), Vương quốc Anh, Nam Phi và Brazil. Tất cả các quốc gia này có môi trường nhìn chung cởi mở đối với các phương tiện truyền thông mới. Chính phủ không hoặc ít ngăn cản hoạt động truy cập và có mức độ kiểm soát thấp đối với nội dung thông tin, cũng như tình trạng vi phạm quyền của người sử dụng ít diễn ra. Các nền dân chủ cũng có khả năng "tự sửa sai" nếu công chúng phát hiện có hành vi hạn chế tự do Internet. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, Quốc hội đã mở một cuộc điều tra các hoạt động kiểm soát của các cơ quan hành pháp sau khi một loạt bê bối diễn ra.

Ngay cả trong các môi trường tương đối tự do này, vẫn xuất hiện các mối quan ngại.

Tại Brazil, các quyết định của cơ quan tư pháp đã khiến cho tình trạng kiểm duyệt nội dung

ngày càng trở thành mối đe dọa. Mạng YouTube thường xuyên bị chặn. Trang này cũng bị chặn ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ở Vương quốc Anh và Thổ Nhĩ Kỳ, các quyết định kiểm duyệt được đưa ra một cách thiếu minh bạch, ngay cả khi thông tin mục tiêu chủ yếu là một số lượng nhỏ các nội dung được xác định cụ thể như hình khiêu dâm trẻ em. Danh sách các trang web bị chặn không được công khai hoặc không được kháng lại các quyết định kiểm duyệt đã khiến các thông tin kinh tế và chính trị quan trọng có nguy cơ bị hạn chế.

Sự phản đối của người dân

Mặc dù ngày càng có nhiều mối đe dọa và kiểm soát, người dân ở các quốc gia thậm chí có môi trường Internet bị giới hạn cao đã tìm ra những cách sáng tạo để viết và phổ biến thông tin. Tại Cuba, trước những kiểm soát ngặt nghèo đối với việc truy cập, người dân đã chia sẻ các nội dung tải về bằng các con đường ngoại tuyến, thường bằng USB, một hiện tượng được gọi là "kết nối ngoài". Tại Trung Quốc, những người dân Tây Tạng, người Hồi giáo Uighur và người theo Pháp Luân Công bị quấy rầy đã sử dụng các phương tiện kỹ thuật số để gửi các tài liệu về những hành động tra tấn ra nước ngoài, trong khi trong nước họ thách thức cỗ máy tuyên truyền của Đảng Cộng Sản thông qua hệ thống các blog và đĩa DVD bí mật. Tại Tunisia, blog NormalLand đã xây dựng một quốc gia ảo với một nhà lãnh đạo ảo cùng với các vị trị khác trong chính phủ do các blogger khác trong nước đảm nhận để thảo luận các vấn đề chính trị của nước này.

Người dân cũng có thể sử dụng Internet và điện thoại di động để tiến hành các hoạt động chống lại chính việc kiểm duyệt. Năm 2009, các cư dân mạng của Trung Quốc đã tổ chức các cuộc phản kháng trực tuyến trước kế hoạch đưa phần mềm kiểm duyệt Green Dam Youth Escort vào ứng dụng. Sự chỉ trích từ trong nước – thể hiện qua các công cụ mạng xã hội và kiến nghị trực tuyến – cùng với những áp lực từ nước ngoài đã thuyết phục được Chính phủ Trung Quốc hoãn việc sử dụng phần mềm này trên diện rộng.

Ý nghĩa rộng hơn về chính trị của các hoạt động tuyên truyền trực tuyến đặc biệt rõ nét tại những môi trường Internet "tự do một phần". Tại Ai Cập, trang Facebook mang tên "Elbaradei tranh cử tổng thống" đã thu hút trên 235.000 thành viên chỉ trong vòng khoảng 5 tháng. Tháng 3 năm 2008, các đảng phái chính trị đối lập tại Malaysia đã tiến hành phần lớn các hoạt động trong chiến dịch vận động tổng tuyển cử của mình thông qua các phương tiện truyền thông kỹ thuật số - bao gồm cả blog, YouTube và SMS (dịch vụ nhắn tin qua điện thoại). Các phương tiện này đã đóng góp vào thắng lợi chưa từng có tại các điểm bỏ phiếu.

Kết luận

Các công nghệ truyền thông số hứa hẹn luồng thông tin chất lượng cao hơn và tăng cường sự tham gia cũng như hoạt động của người dân và cuối cùng tạo cho chất lượng cuộc sống được nâng cao, tự do được mở rộng. Tuy nhiên, thông tin từ cuộc nghiên cứu thí điểm về *Tự do trên mạng* chỉ ra rằng chúng ta không nên xem xu thế này là điều tất yếu. Cùng với việc tổ chức Freedom House thực hiện nghiên cứu thứ hai với 37 quốc gia để công bố vào năm 2011, điều này đã trở nên hiển nhiên hơn. Từ Kazakhstan và Belarus, cho tới Australia, các điều luật hạn chế mới đã được thông qua hoặc đang được xem xét.

Các cư dân mạng và những người ủng hộ cho họ tại các quốc gia dân chủ cần có các nỗ lực tích cực để đối phó với những hạn chế dưới nhiều hình thức đối với tự do trực tuyến. Trong một thế giới kỹ thuật số đang thay đổi nhanh chóng, những người ủng hộ tự do ngôn luận phải đi đầu trong việc bảo vệ và tăng cường tự do Internet.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Điện thoại giúp tăng cường truy cập Internet tại Nam Phi

Theo kết quả của cuộc khảo sát *Tự do trên* mạng thì tự do tiếp cận và sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số của người dân Nam Phi là cao. Năm 2008, có 9,5 triệu người Nam Phi truy cập Internet qua điện thoại di động, gấp hơn hai lần số người truy cập bằng máy tính.

Giá cả hợp lý là lý do chính khiến người dân Nam Phi sử dụng điện thoại để truy cập Internet. Các nhà khai thác thuê bao di động cung ứng dịch vụ truy cập mạng với mức phí rẻ nhất trên thế giới. Có nhiều công ty cung cấp dịch vụ truy cập Internet qua điện thoại trong khi chỉ có một công ty cung ứng dịch vụ Internet qua đường truyền cố định. Với tổng số thuê bao di động ước tính vào khoảng 45 triệu, xu hướng kết nối Internet qua điện thoại di động có thể sẽ tiếp tục vượt xa xu hướng dùng mạng băng thông rộng. Điều tra của Freedom House cho rằng có nhiều nhân tố sẽ khiến cuộc cạnh tranh truy cập qua băng thông rộng ngày càng mạnh mẽ hơn trong tương lai gần và qua đó giúp giảm chi phí dùng Internet qua đường truyền cố định.

Theo nghiên cứu của Freedom House, Chính phủ Nam Phi chưa áp đặt các hạn chế đối với hoạt động truy cập Internet và chưa có báo cáo nào cho thấy chính quyền kiểm soát hạ tầng Internet để hạn chế khả năng kết nối. Cơ quan quản lý ngành côngn nghiệp này là một đơn vị hoạt động độc lập và tự quyết. Các nhà cung cấp dịch vụ truy cập và các nhóm liên quan tới Internet là các tổ chức tự hoạt động và chủ động trong việc vận động hành lang đối với Chính phủ trong việc đưa ra các quy định thuận lợi hơn. Các cá nhân và tổ chức có thể tham gia bày tỏ quan điểm ôn hòa qua thư điện tử, tin nhắn trực tiếp, chat và blog. Trang chia sẻ video như YouTube, Facebook và các dịch vụ cung cấp máy chủ quốc tế cho blog đều được hoạt động tự do.

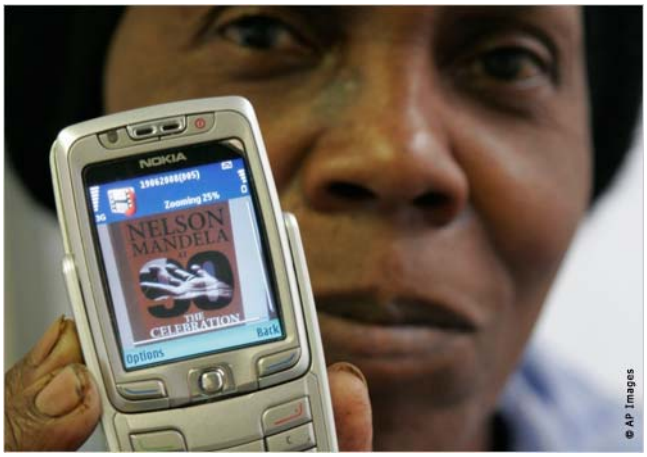

Người dùng điện thoại khắp nơi trên thế giới có thể gửi lời chúc sinh nhật tới Nelson Mandela trong một chiến dịch do quỹ từ thiện của ông tổ chức.

Báo cáo của tổ chức Freedom House kết luận, sự phổ biến của tiếng Anh trên mạng Internet cũng là một trở ngại chính đối với người dùng Internet chỉ biết nói tiếng địa phương ở Nam Phi.

Bản tổng kết này dựa trên các kết quả nghiên cứu có được từ cuộc điều tra Tự do trên Internet: Đánh giá toàn cầu về Internet và phương tiện truyền thông kỹ thuật số, một báo cáo do tổ chức *Freedom House* công bố năm 2009.

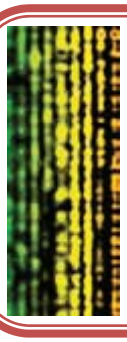

INFO BYTES

64% dân số tại các quốc gia phát triển và **18%** dân số của quốc gia đang phát triển có sử dụng dịch vụ Internet.

Estonia trở thành E-stonia

Theo cuộc điều tra về tự do Internet do Freedom House thực hiện, Estonia được xếp vào một trong những quốc gia có công nghệ tiên tiến nhất thế giới với khả năng kết nối mạng và số người biết sử dụng máy tính đạt tỷ lệ cao. Danh hiệu "quốc gia điện tử" của đất nước vùng Ban-tích này xuất phát từ sáng kiến của Chính phủ Estonia muốn đẩy nhanh sự hội nhập của nước này vào nền kinh tế toàn cầu sau khi nước này giành lại độc lập vào đầu những năm 1990.

Số lượng thuê bao Internet và điện thoại di động của Estonia đã tăng nhanh chóng trong vòng 15 năm qua. Hai phần ba dân số, tương đương khoảng 852.000 người thường xuyên truy cập Internet. 58% số hộ gia đình có Internet và 90% trong số này có đường truyền băng thông rộng. Quốc gia này có số lượng thuê bao điện thoại nhiều hơn số dân của mình khoảng 2 triệu thuê bao. Chính phủ Estonia đã nỗ lực mở rộng mức độ phổ cập mạng băng thông rộng không dây cho công chúng tại các quán cà phê, khách sạn, nhà nghỉ và thậm chí tại các trạm xăng.

Người dân Estonia sử dụng Internet trong nhiều hoạt động như tìm kiếm thông tin, thư điện tử, các phương tiện truyền thông trực tuyến trong nước, các cổng tin tức, các trang mạng xã hội, nhắn tin trực tiếp và các giải pháp liên lạc bằng giọng nói qua Internet. Ngoài ra, 83% người dân nước này sử dụng Internet vào hoạt động giao dịch ngân hàng trực tuyến – tỷ lệ cao thứ hai trong Liên minh châu Âu.

Mức độ hạn chế đối với nội dung thông tin trên Internet tại Estonia vào mức thấp nhất trên thế giới. Estonia có các điều luật toàn diện về quyền riêng tư và các tòa án nước này cũng yêu cầu gỡ bỏ những bình luận không phù hợp trên các báo mạng. Nhìn chung, những người sử dụng Internet đều được phổ biến về chính sách riêng tư của các cổng thông tin truyền thông áp dụng cho các hoạt động trao đổi và họ cần phải tuân thủ theo những hướng dẫn đó.

Mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với tự do Internet ở Estonia trong những năm gần đây là hàng loạt các cuộc tấn công mạng chống lại hạ tầng truyền thông của nước này vào mùa xuân năm 2007. Vào thời điểm đó, hàng loạt các vụ tấn công từ chối dịch vụ mục tiêu (DDoS) đã ảnh hưởng tới tất cả các trang mạng của Chính phủ, hoạt động của ngân hàng lớn nhất Estonia và các trang mạng của một số tờ nhật báo. Tuy nhiên, nhờ vào các cuộc tấn công đó, Estonia đã nổi lên thành quốc gia đi đầu trong an ninh mạng và đã thiết lập Trung tâm Hợp tác Phòng thủ Không gian số của NATO để hỗ trợ bảo vệ các thành viên trong khối đồng minh.

Bài tổng hợp này dựa trên các kết quả điều tra lấy từ Tự do trên mạng: Đánh giá toàn cầu về Internet và Phương tiện truyền thông kỹ thuật số, *một báo cáo được công bố năm 2009 của tổ chức Freedom House.*

INFO BYTES

Theo điều tra của Liên minh Viễn thông Quốc tế tại 161 quốc gia, chi phí cho các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông giảm trung bình 15% từ năm 2008 tới năm 2009.

Đừng đổ lỗi cho những trang đưa tin

Cynthia Wong

Việc quy định nhà cung cấp dịch vụ Internet phải chịu trách nhiệm đối với các tài liệu phạm pháp mà khách hàng của họ đăng tải có thể kéo chậm tiến trình đổi mới và tốc độ phổ cập các công nghệ truyền thông.

Cynthia Wong là thành viên Quỹ Ron Plesser và là luật sư tại Trung tâm Dân chủ và Công nghệ. Đây là một tổ chức cổ súy cho quyền lợi công với mục tiêu duy trì môi trường Internet mở, đổi mới và tự do. Bà Wong phụ trách các hoạt động về tự do Internet của trung tâm này

YouTube là một "bên cung cấp trung gian". Bảo vệ nhà cung cấp này khỏi những nghĩa vụ pháp lý liên quan tới nội dung do người sử dụng đăng tải tạo ra mức độ tự do và khả năng sáng tạo cao hơn trên mạng.

Việc một toà án tại Italia tuyên bố Google phải chịu trách nhiệm cho một đoạn phim được một bên thứ ba tải lên trang mạng của đại gia Internet này là một ví dụ điển hình cho trách nhiệm pháp lý của bên trung gian. Google, nền tảng lưu trữ, là trung gian giữa người tạo nội dung đoạn phim và người thưởng thức nội dung - khán giả của đoạn phim đó. Các bên trung gian khác gồm các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nền tảng thương mại điện tử và các mạng xã hội như Orkut, Facebook và YouTube. Các dịch vụ này cung cấp các diễn đàn mở quý giá cho các nội dung do người dùng tạo nên mà thường không tính phí và chỉ yêu cầu những hiểu biết kỹ thuật tối thiểu là có thể sử dụng được.

Bản chất mở của các dịch vụ này cũng đồng nghĩa với việc người ta có thể dùng chúng phục vụ cả mục đích xấu và mục đích tốt. Các chính phủ mong muốn kiểm duyệt quyền tự do biểu đạt hay xử lý các hành động nguy hại trên mạng toàn cầu thường cố gắng gây áp lực, đe dọa hoặc tinh vi hơn là buộc các bên trung gian phải chịu trách nhiệm pháp lý cho các nội dung của bên thứ ba đăng tải lên. Một cách ngăn chặn người dân đăng tải các đoạn phim thể hiện bất đồng chính kiến chính trị là buộc YouTube phải chịu trách nhiệm pháp lý cho các tài liệu mà người dùng đăng tải.

Vấn đề công bằng xoay quanh trách nhiệm của bên trung gian không phải chỉ đơn giản như vậy. Thậm chí đôi khi các chính phủ với thiện ý cũng cố gắng hạn chế các hành vi từ lâu được cả xã hội tại một quốc gia cho là sai trái: ngôn từ thô tục, phát ngôn mang tính chất phỉ báng, thù hận, xâm phạm quyền riêng tư (như vụ Google Italia). Người ta dễ dàng hiểu tại sao kỹ thuật lại giúp các chính quyền có được một phương án thay thế tốt hơn: công ty trung gian thường có quy mô lớn và dễ nhận diện, trong khi đó các cá nhân sử dụng Internet khó có thể bị phát hiện và đôi khi họ lại không thuộc thẩm quyền xét xử của chính phủ đó (mặc dù vụ việc tại Italia không rơi vào trường hợp này).

Nhưng dù chính phủ quy định trách nhiệm pháp lý với bên thứ ba vì lý do gì thì tác hại đáng kể của việc này đối với các luồng thông tin và sự phát triển của Internet cũng lớn hơn so với những lợi ích có thể có được. Thứ nhất, quyền tự do biểu đạt rõ ràng bị giới hạn. Chẳng hạn, một mạng xã hội có thể phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại bằng tiền khi một bên thứ ba đăng tải các nội dung phản cảm và do đó sẽ kiểm duyệt nội dung trước khi cho đăng tải lên. Các bên trung gian sẽ phải cân nhắc kỹ lưỡng về nội dung người dùng được phép đăng tải, đặc biệt khi những quy định của luật pháp về "nội dung trái pháp luật" thường

không rõ ràng và quá chung chung hoặc sử dụng ngôn từ không phổ biến. Biện pháp an toàn hơn cả là gỡ bỏ nội dung gây tranh cãi thay vì chờ tòa án ra lệnh yêu cầu gỡ bỏ. Trong nhiều trường hợp, khối lượng và chi phí cho công việc này quá nhiều khiến nhiều nhà cung cấp không thể cung cấp được dịch vụ.

Thứ hai, nghĩa vụ pháp lý đối với bên trung gian làm gián đoạn luồng thông tin và các dịch vụ trên Internet, và do đó, kìm hãm nỗ lực sáng tạo đổi mới và phát triển kinh tế. Các công ty sẽ ít đầu tư vào các công nghệ khiến họ có nguy cơ chịu trách nhiệm pháp lý. Thế giới có thể không bao giờ có được cơ hội chứng kiến mạng Twitters, eBays của tương lai hoặc các công ty mới khởi nghiệp khác hứa hẹn hạ giá và cung cấp dịch vụ kết nối thị trường toàn cầu chất lượng cao hơn; hoặc kìm hãm các sáng kiến mới có thể giúp tăng khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên giáo dục hay ở góc độ khác, tạo ra sự phát triển kinh tế công bằng, sâu rộng hơn.

Phương pháp tiếp cận đối với vấn đề trách nhiệm pháp lý của bên trung gian

Việc sớm đồng thuận về chính sách đã làm dấy lên câu hỏi về sự công bằng đối với trách nhiệm của bên trung gian tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu. Hoa Kỳ đã ban hành hai đạo luật để giải quyết những quan ngại này. Mục 230 Đạo luật Truyền thông bảo vệ các bên trung gian khỏi các khiếu kiện phát sinh từ nội dung do bên thứ ba tạo ra, trong đó bao gồm các cáo buộc về tội tắc trách, bôi nhọ và xâm phạm các điều luật về quyền dân sự và luật hình sự bang. Mục 512 Đạo luật Thiên niên kỷ về Bản quyền Kỹ thuật số tạo cho các nhà cung cấp dịch vụ một "lá chắn an toàn" trước những nghĩa vụ pháp lý nếu họ đáp ứng được một số tiêu chí nhất định như gỡ bỏ các tài liệu vi phạm khi được chủ sở hữu bản quyền yêu cầu, hay còn gọi là hệ thống "thông báo và gỡ bỏ".

Tương tự như vậy, Liên minh châu Âu cũng bảo vệ một số loại hình trung gian khỏi một loạt các khiếu kiện, các loại hình này gồm có: "trung gian thuần túy" cung cấp thông tin, dịch vụ "bộ nhớ đệm" cung cấp bộ nhớ chứa dữ liệu tạm thời nhằm đẩy nhanh quá trình truyền dữ liệu và dịch vụ "máy chủ" mau chóng gỡ bỏ những nội dung phi pháp ngay khi được phát hiện ra. Các chính sách của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu nhìn chung không buộc các bên trung gian phải giám sát nội dung trên các dịch vụ họ cung cấp, hay điều tra các hoạt động có khả năng phi pháp của người dung. Do vậy, các chính sách này cũng giúp bảo vệ quyền riêng tư của người dùng. Nếu các nhà cung cấp dịch vụ phải đối mặt với các nghĩa vụ pháp lý, họ có thể bắt buộc phải thu thập thêm thông tin về người dùng và giữ thông tin đó trong một khoảng thời gian lâu hơn.

Chính phủ Trung Quốc là một trong những chính phủ áp dụng phương pháp tiếp cận rất khác biệt. Bắc Kinh áp đặt trách nhiệm đối với các nội dung phi pháp cho các chủ thể tại tất cả các điểm truy cập – từ người dùng cho tới các nhà cung cấp dịnh vụ Internet hay các mạng xã hội và các công ty máy chủ Internet. Nếu bất kỳ bên trung gian nào cho phép người dùng dịch vụ phát tán nội dung "nguy hại" hoặc không có khả năng giám sát hoặc theo dõi đầy đủ hoạt động sử dụng dịch vụ, bên trung gian đó có thể phải đối mặt với trách nhiệm hình sự hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động. Ngoài ra, Chính phủ Trung Quốc cũng đưa ra những định nghĩa mơ hồ và chung chung về nội dung trái pháp luật. Làm thế nào một dịch vụ blog như trang Blogger.com có thể xác định được bài viết nào là "nguy hại" hay gây phương hại tới "lợi ích quốc gia"? Cách tiếp cận của Trung Quốc đối với vấn đề trách nhiệm pháp lý của bên trung gian là một thành tố nằm trong một hệ thống lớn hơn nhằm kiểm soát các thông tin trực tuyến.

Giải pháp cho những quan ngại tiềm tàng

Luồng ý kiến phản đối việc bảo vệ các bên trung gian là do lo ngại về các nội dung thực sự nguy hại và mang tính công kích trên mạng sẽ gia tăng. Nhưng các chính phủ đã có sẵn nhiều công cụ để đối phó và giải quyết mối quan ngại này, trong khi đó vẫn giảm thiểu được ảnh hưởng lên các nội dung và những sáng tạo hợp

pháp. Ví dụ, các chính phủ có thể thúc đẩy và hỗ trợ người dùng tình nguyện sử dụng các phần mềm kiểm duyệt giúp chặn các hình ảnh khiêu dâm hay các thông tin phản cảm khác. Một số quốc gia cũng cần áp dụng các hệ thống "thông báo-và-gỡ bỏ" giống như phương pháp sử dụng trong các luật về bản quyền của Hoa Kỳ và các điều luật của EU để giải quyết vấn đề này. Mặc dù vậy, các hệ thống "thông báo-và-gỡ bỏ" cũng thường được sử dụng sai mục đích để phục vụ cho ý đồ ngăn chặn các chỉ trích, đặc biệt trong trường hợp khó xác định nội dung đó có thực sự phi pháp hay không (như trong trường hợp nội dung có tính chất phỉ báng). Cuối cùng, việc các bên trung gian có thể và đã tình nguyện tiến hành gỡ bỏ nội dụng độc hại khỏi các dịch vụ của mình (như thư rác hay các nội dung kích động tình dục) mà không cần đợi chính phủ yêu cầu, cho thấy hoạt động bảo vệ các bên trung gian phù hợp với việc xúc tiến các mục tiêu xã hội quan trọng khác.

Một điểm quan trọng cần lưu ý là các nhà thực thi pháp luật phải theo dõi những đối tượng vi phạm một cách hợp pháp và nạn nhân phải được theo đuổi những khiếu kiện hợp pháp đối với những đối tượng đã làm hại họ. Khía cạnh quan trọng đối với các phương pháp được áp dụng tại Hoa Kỳ và châu Âu là việc bảo vệ chỉ được thực hiện đối với bên trung gian, không áp dụng cho các bên đầu tiên tạo ra hoặc phát tán nội dung phản cảm. Không có quy định nào trong luật pháp của Hoa Kỳ hay EU ngăn cản việc khởi tố hoặc khiếu kiện chống lại đối tượng vi phạm đầu tiên. Các bên trung gian có thể tiến hành các tố tụng chống lại người sử dụng (ngay cả người sử dụng nặc danh) khi có lệnh của tòa án với những quy trình có sẵn để bảo vệ quyền riêng tư và mức độ nặc danh nhất định.

Kết luận

Bảo vệ các bên trung gian khỏi những nghĩa vụ pháp lý có vai trò quan trọng trong hoạt động bảo vệ Internet với vai trò là công cụ tự do bày tỏ và tiếp cận thông tin, sau đó là một cỗ máy thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế. Nếu những quan ngại về nghĩa vụ pháp lý buộc đóng cửa các trang mạng cho phép lưu giữ nội dung do người dùng tạo ra và các diễn đàn thiết yếu khác phục vụ hoạt động bày tỏ các quan điểm xã hội, kinh tế và chính trị, thì tất cả chúng ta sẽ lại đứng trước nguy cơ đói nghèo thông tin. Các chính phủ thay vào đó hãy tăng cường và áp dụng các chính sách bảo vệ các trung gian, giúp tăng cường sức sáng tạo, thúc đẩy nhân quyền và phát triển kinh tế.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Phân bố mạng băng thông rộng toàn cầu

Số thuê bao băng thông rộng cố định trên mỗi 100 dân năm 2008

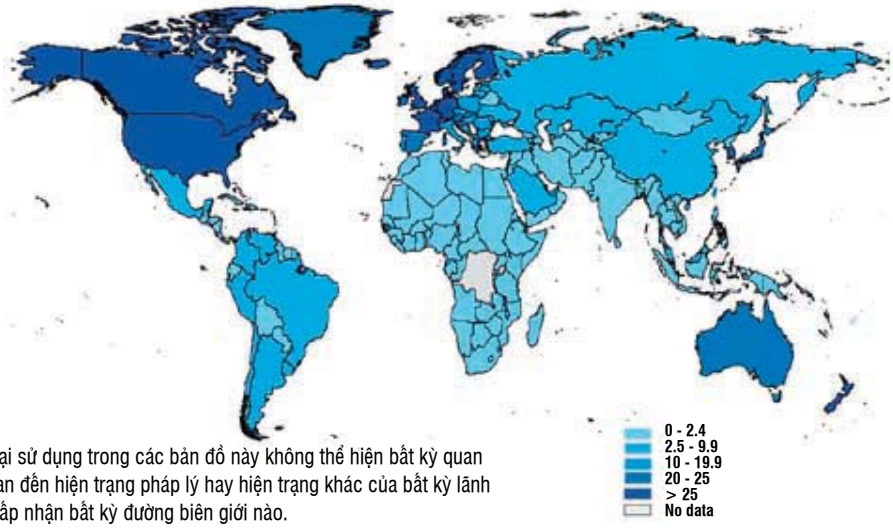

Tên và danh mục phân loại sử dụng trong các bản đồ này không thể hiện bất kỳ quan điểm nào của ITU liên quan đến hiện trạng pháp lý hay hiện trạng khác của bất kỳ lãnh thổ hay sự ủng hộ hay chấp nhận bất kỳ đường biên giới nào.

Từ **"Thế giới năm 2009: Số liệu của Liên minh Viễn thông Quốc tế"**

Đoạn phim trẻ em nhảy múa kiểm nghiệm Luật về Internet

Karen A. Frenkel

Một vụ kiện xuất phát từ hành động tự phát của một bà mẹ.

Karen A. Frenkel, sống tại New York, là tác giả chuyên viết về khoa học và công nghệ. Các bài báo của bà được đăng tải trên trang web ScientificAmerican.com và trong tạp chí Truyền thông của ACM *(Hiệp hội Máy tính).*

Khi bà mẹ Stephanie Lenz tại bang Pennsylvania đăng tải một đoạn phim quay cảnh các con bà nhảy theo bài hát "Let's Go Crazy" của ca sỹ Prince trên YouTube vào tháng 2 năm 2007, bà không nghĩ rằng việc làm của của bà lại khiến mình vướng vào những rắc rối với một siêu sao nhạc Pop và một doanh nghiệp khổng lồ. Công ty Universal Music Corporation sở hữu tác quyền đối với các bài hát của ca sỹ Prince đã ngăn cản ý định của bà mẹ chia sẻ màn nhảy múa của các con mình. Công ty thu âm lớn nhất thế giới này đã yêu cầu YouTube gỡ bỏ đoạn phim này và YouTube đã thực hiện yêu cầu đó. Công ty thu âm cho rằng bà Lenz đã vi phạm bản quyền được Đạo luật Thiên niên kỷ về Bản quyền Kỹ thuật số (DMCA) bảo hộ và yêu cầu YouTube gỡ bỏ đoạn phim này. Vì vậy, hình ảnh nhảy múa của các con bà Lenz không còn tồn tại trên Internet.

Bà Lenz bày tỏ quan điểm của mình với tổ chức ủng hộ tự do ngôn luận trên mạng - Quỹ Biên giới Điện tử (EFF) - rằng: "tôi thực sự rất ngạc nhiên và tức giận khi biết rằng đoạn phim của mình đã bị gỡ bỏ. Universal không nên dùng những đe dọa pháp lý để ngăn cản mọi người chia sẻ những đoạn phim tự quay ở nhà như vậy".

Đạo luật Thiên niên kỷ về Bản quyền Kỹ thuật số được ban hành năm 1998 trong bối cảnh Hoa Kỳ thực thi một hiệp ước bản quyền quốc tế. Luật này cho phép các công ty cung cấp máy chủ Internet và các dịch vụ tương tác như các trang mạng xã hội được miễn trừ trách nhiệm khi người dùng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Các công ty này có nghĩa vụ gỡ bỏ nội dung vi phạm nếu nhận được thông báo yêu cầu gỡ bỏ nội dung đăng tải từ phía bên giữ tác quyền, nhưng họ có thể phục hồi nội dung đó nếu bên giữ tác quyền không khiếu kiện và nếu người đăng tải chứng minh được rằng nội dung đó không có sai phạm.

Đoạn phim của bà Stephanie Lentz quay cảnh các con bà đang vui cười và chạy quanh bếp. Bài hát "Let's Go Crazy" của ca sỹ Prince hầu như không thể nghe rõ ở hậu cảnh.

Dưới tác động của Đạo luật Bản quyền Thiên niên kỷ Kỹ thuật số, Internet ngày nay đã phá bỏ rào cản giữa người cung cấp nội dung và người sử dụng nội dung, cho phép số lượng lớn người xem tạo ra và truyền bá thông tin mà không lo ngại các công ty sở hữu máy chủ có thể bị kiện. Tuy vậy, vẫn có nhiều bằng chứng cho thấy các nhà sản xuất không chuyên không hiểu đầy đủ luật về quyền sở hữu trí tuệ hoặc các trách nhiệm pháp lý của mình.

Quỹ Biên giới Điện tử đã thay mặt bà Lenz khởi kiện công ty Universal. Quỹ này cho rằng đoạn phim dài 29 giây của bà với nội dung bài hát hầu như không thể nghe được, không vi phạm tác quyền của công ty thu âm và rằng công ty thu âm đã không xem xét quyền "sử dụng hợp lý" của bà Lenz khi bà đăng tải đoạn phim này, và do đó, đe dọa quyền tự do ngôn luận của con bà.

Quyền sử dụng hợp lý là một khía cạnh không rõ ràng trong luật bản quyền của Hoa Kỳ vì nó cho phép trích dẫn ở mức độ hạn chế tác phẩm của một tác giả mà không cần xin phép. Tuy nhiên, luật này thiếu các quy định cụ thể về độ dài và bản chất của các đoạn trích được phép và mục đích sử dụng các đoạn trích đó.

Cùng lúc đó, ca sỹ Prince nói với Reuters rằng ông dự định "thu hồi toàn bộ các tác phẩm của mình trên mạng" và Universal tuyên bố các kế hoạch, về mặt nguyên tắc, sẽ gỡ bỏ *toàn bộ* các nội dung do người sử dụng tạo ra có liên quan tới nghệ sỹ này trên Internet.

Tòa án đã ủng hộ Quỹ Biên giới Điện tử và bà Lenz và đưa ra phán quyết vào tháng 8/2008 rằng công ty Universal đã không cân nhắc quyền sử dụng hợp lý cho tác phẩm trước khi đưa ra thông báo yêu cầu gỡ bỏ mang tính phân biệt đối xử. Do đó, hãng này đã lạm dụng Đạo luật Bản quyền Thiên niên kỷ Kỹ thuật số. YouTube sau đó đã khôi phục đoạn phim nhảy múa của các con bà Lenz và các bên hiện vẫn đang tranh luận về việc bên nào sẽ trả phí kiện tụng và bồi thường.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Google Video bị kiện vi phạm luật riêng tư của Italia

Karen A. Frenkel

Công ty sở hữu cỗ máy tìm kiếm chống lại vụ kiện nhân danh tự do Internet.

Cuối năm 2006, các học sinh tại một trường học ở Turin, Italia đã ghi một đoạn phim quay cảnh họ bắt nạt một người bạn mắc chứng tự kỷ cùng trường. Các học sinh này đã đăng tải đoạn phim này lên trang chia sẻ video của Google. Chỉ vài giờ sau khi được cảnh sát địa phương thông báo, đoạn phim đã được gỡ bỏ. Tuy nhiên, theo trang mạng TheNextWeb.com, đoạn phim đó đã được tải lên mạng gần hai tháng tính đến thời điểm bị gỡ xuống và đã gây ra sự bất bình trong cả nước Italia. Theo tường thuật của hãng Associated Press, đoạn phim đó đã thu hút được 5.500 lượt xem với 80 bình luận và đã lọt vào danh sách tác phẩm mang tính giải trí nhất của Google Italia.

Google đã giúp cảnh sát xác định đối tượng chịu trách nhiệm cho việc đăng tải đoạn phim phạm pháp này. Tòa án phán quyết nữ sinh đó cùng với các đồng phạm chịu hình phạt 10 tháng lao động công ích. Google hy vọng rằng trách nhiệm của mình tới đó là chấm dứt theo một bài viết trên blog của hãng này thông tin về vụ việc. Tuy nhiên, một công tố viên tại Turin đã chính thức buộc tội 4 quan chức cấp cao của Google – gồm có Giám đốc pháp lý David Drummond, cố vấn về quyền riêng tư toàn cầu Peter Fleischer, cựu Giám đốc Google Video khu vực châu Âu Arvind Desikan, và cựu

Thẩm phán người Italia Oscar Magi (bên trái) đọc bản án với các quan chức cấp cao của Google vào tháng 2 năm 2010.

Giám đốc tài chính George Reyes (đã thôi việc tại công ty năm 2008) — tội bôi nhọ danh dự và không tuân thủ luật về quyền riêng tư của Italia. Tháng 2 năm 2010, một thẩm phán đã tuyên án ba bị cáo về tội liên quan tới quyền riêng tư. Tất cả bốn bị cáo đều không phạm tội bôi nhọ danh dự.

Matt Sucherman, Phó Chủ tịch của Google, đồng thời cũng là một luật sư, đã gọi phán quyết này là "một điều kỳ quặc" và cho rằng hành vi nhằm kết án những nhân vật cấp cao của Google của công tố viên là "đáng hổ thẹn". Hãng này dự định sẽ kháng cáo.

Ông Sucherman đã viết trong một bài đăng tải trên blog của Google rằng: Luật pháp Liên

minh châu Âu bảo vệ các nhà cung cấp máy chủ Internet khỏi các nghĩa vụ pháp lý, "với điều kiện họ gỡ bỏ những nội dung phi pháp ngay khi họ được thông báo về sự tồn tại của nội dung đó". Nhưng quyết định của tòa án Italia cho thấy các nhân viên của các công ty máy chủ như Google phải chịu trách nhiệm hình sự cho nội dung mà người dùng đăng tải. Nếu các trang như YouTube, các mạng xã hội và các trang thông tin của cộng đồng phải chịu trách nhiệm biên tập từng nội dung được đăng tải thì các trang mạng mà chúng ta vẫn biết tới không thể tiếp tục tồn tại.

Tháng 4/2010, vị thẩm phán thụ lý vụ khiếu kiện này giải thích lý do cho phán quyết của mình. Trong bản tường trình dài 111 trang, Thẩm phán Oscar Magi cho biết các nhân vật cấp cao của Google đã phạm tội vi phạm quyền riêng tư của các thanh niên là nạn nhân và đã hành động không trung thực vì đã cố gắng kiếm lời khi cho đăng tải đoạn phim đó. Thẩm phán Magi cho rằng quyết định của ông nên được hiểu theo hướng các nhà cung cấp dịch vụ Internet cần kiểm duyệt các đoạn phim được đăng tải lên các trang mạng của họ. Báo chí tiếp tục trích dẫn thêm bản tường trình trong đó nói "không có một thảo nguyên mênh mông nào cho Internet để cho mọi thứ đều được phép và không có nội dung nào bị cấm."

Google nhắc lại phản ứng ban đầu của mình rằng bản án đã tấn công vào chính nguyên tắc tự do làm cơ sở cho sự tồn tại của Internet.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Thủ thư của thư viện công cộng giúp xác lập khái niệm tự do Internet

Barbara M. Jones

Tại Hoa Kỳ, thư viện công cộng là một nguồn truy cập Internet quan trọng. Thủ thư giúp bảo vệ tự do tri thức và cân bằng giữa quyền sở hữu trí tuệ với quyền tiếp cận các nội dung Internet của công chúng.

Barbara M. Jones là Giám đốc Văn phòng Tự do Tri thức thuộc Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ có trụ sở tại Chicago, Illinois.

Tôn chỉ *"Những tác phẩm hay nhất, phục vụ số đông nhất, với mức chi phí thấp nhất"* đã được Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (ALA) đề cao ngay từ ngày đầu thành lập cách đây hơn 100 năm và nội dung của tôn chỉ này cho tới ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Đôi khi chúng ta phân vân rằng liệu những đồng nghiệp của chúng ta ở những thế hệ trước có từng mơ về những công cụ và nguồn lực mà chúng ta sử dụng trong công việc ngày nay không – sự phát minh ra thông tin số hóa, sự sao chép hầu như không hạn chế các nguồn thông tin và sự truyền bá thông tin trên toàn cầu.

Truy cập Internet công cộng là hình thức dịch vụ phổ biến nhất và thường xuyên được sử dụng nhất tại các thư viện Hoa Kỳ ngày nay. Chúng ta có thể dễ dàng sao chép các nội dung thông tin cần thiết để mang về hoặc chia sẻ thông qua hệ thống máy in và máy phô-tô.

Thủ thư muốn độc giả có thể truy cập Internet, nhưng họ cũng là người chịu trách nhiệm ngăn chặn việc phổ biến thông tin vi phạm bản quyền. Do đó, thủ thư gặp phải tình thế tiến thoái lưỡng nan khi phải lựa chọn giữa tự do tri thức và quyền sở hữu trí tuệ. Các nội dung của trang web có thể được phổ biến cho nhiều người một cách nhanh chóng. Một số nội dung do chính công chúng tạo ra và do đó không mất phí – với sự tăng trưởng của những nội dung "ra đời từ kỹ thuật số" như blog, bách khoa toàn thư Wikipedia. Âm nhạc, phim và

Người dùng thư viện truy cập Internet tại một thư viện công cộng ở Philadelphia. Sách, tài liệu tham khảo truyền thống và các nguồn tài nguyên trực tuyến đều được phục vụ.

các phương tiện truyền thông khác có thể dễ dàng chia sẻ qua các công nghệ sao chép kỹ thuật số theo cách thức chưa từng có ở thời kỳ âm nhạc được chia sẻ thông qua các đĩa nhựa hoặc băng cát-xét.

Sự thuận lợi trong việc truy cập các nội dung qua Internet thực sự mang lại nhiều lợi ích cho thư viện cũng như độc giả. Nhưng đây lại là cơn ác mộng đối với các nhà xuất bản, những doanh nghiệp mong muốn duy trì hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế truyền thống. Sự thuận tiện trong việc sao chép và tốc độ phổ biến đã đe dọa các nhà xuất bản này và dồn họ vào nguy cơ phá sản. Các nhà xuất bản đã đối phó bằng các biện pháp nhằm bảo vệ quyền lợi của họ: tăng giá của các tạp chí học thuật một cách chóng mặt và hạn chế các nội dung trực tuyến thông qua việc bán bản quyền. Ngành công nghiệp thu âm đã chứng kiến các vụ kiện đối với các cá nhân vì lý do tải nhạc một cách phi pháp.

Chúng tôi, những người làm việc trong cộng đồng thư viện phải đấu tranh giữa mong muốn ủng hộ các ngành cung cấp các thông tin phong phú và không kiểm duyệt và những độc giả, những người thường xuyên bị chặn truy cập hoặc đối mặt với giá cả các tài liệu ngày một gia tăng.

Nguyên tắc của thủ thư

Giới thủ thư tại các thư viện công của Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm pháp lý và đạo đức theo Điều sửa đổi Hiến pháp Hoa Kỳ thứ nhất: "Quốc hội không được đưa ra bất kỳ luật nào… hạn chế tự do ngôn luận, hoặc tự do báo chí….". Đây cũng là nguyên tắc thiêng liêng trong ngành chúng tôi: *Dự luật của Thư viện và cách giải thích Quy tắc Đạo đức của Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ.* Khẩu hiệu của cộng đồng Internet "Thông tin muốn được tự do" cũng nằm trong nguyên tắc này.

Bên cạnh đó, các thủ thư cũng bị ràng buộc bởi một quy định khác trong Hiến pháp Hoa Kỳ, trong đó trao cho "các tác giả và người sáng chế quyền độc quyền đối với những tác phẩm và phát hiện của họ". Luật về bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ được xây dựng dựa trên nền tảng của nguyên tắc này. Các thủ thư phải đấu tranh nhằm cân bằng giữa các giá trị của "quyền tự do đọc" với những yêu cầu đối nghịch của pháp luật và các quy định về bản quyền. Trong khi đó, một số người theo trường phái cách mạng thông tin lại cho rằng thông tin được đăng tải trên Internet thuộc về công chúng và phớt lờ quyền của người tạo ra chúng. Độc giả ngày càng đòi hỏi nhiều thông tin hơn còn các nhà xuất bản hạn chế bằng việc bán lại quyền sử dụng hoặc bằng các cách thức khác để duy trì sự ổn định kinh doanh của họ.

Vậy làm sao các thủ thư có thể bắt tay với các nhà xuất bản để tạo ra một mô hình kinh tế cho phép độc giả tiếp cận thông tin mà vẫn đảm bảo không ảnh hưởng tới kế sinh nhai của các tác giả và nhà xuất bản?

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sử dụng hợp lý: Quan điểm về quyền sử dụng hợp lý của luật bản quyền Hoa Kỳ cho phép sử dụng có hạn định các tác phẩm được đăng ký tác quyền phục vụ mục đích phê bình, giảng dạy hoặc đưa tin. Ví dụ, một nhà phê bình sách có thể trích dẫn một số đoạn từ một cuốn sách mới; hoặc một hãng tin có thể in lại lời của một bài hát gây tranh cãi. Được phát triển qua nhiều các quyết định mang tính pháp lý, quyền sử dụng hợp lý vẫn là một quy định mơ hồ và thường chỉ dựa trên những đánh giá chuyên môn của các thủ thư hoặc người sử dụng. Tuy nhiên, người phê bình không thể trích dẫn lại toàn bộ các chương của một cuốn tiểu thuyết và các hãng tin cũng không được phép dùng cả một bài hát cho hoạt động của mình. Nếu thư viện tại một trường đại học muốn sao chép một bài báo trong một tạp chí bất kỳ ra 10 bản để học viên sử dụng trong bài học, thủ thư có thể xác định rằng hai bản sao là mức "hợp lý hơn", xét tới nhu cầu và số lượng học viên trong lớp. Quyền sử dụng hợp lý thậm chí còn phức tạp hơn đối với các thông tin lưu trữ điện tử và việc sử dụng các bộ phim, các bản ghi âm và các phương tiện kỹ thuật số khác trong lớp học.

Chuyện gì sẽ diễn ra nếu ai đó sao chép 100 bản từ một bài báo để phục vụ mục đích giảng dạy hoặc đăng tải một bài báo lên trang mạng mà không xin phép nhà xuất bản từ trước? "Thông lệ tốt nhất" của thư viện quy định rằng tại khu vực các máy phô-tô công cộng cần đưa ra những cảnh báo trích dẫn luật bản quyền của Hoa Kỳ và các thư viện cũng cần phổ biến cho độc giả về điều luật này qua các thông báo, tờ rơi hoặc các buổi tuyên truyền thông tin cho công chúng. Nhưng độc giả của thư viện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của chính họ và trên thực tế vài năm gần đây, những người sử dụng thư viện cũng từng bị kiện vì tải nhạc và các nội dung khác một cách phi pháp.

Giấy phép bản quyền của tổ chức Creative Commons: Thủ thư giúp độc giả tìm kiếm thông tin có thể tìm kiếm các tài liệu có bản quyền nằm trong thỏa thuận cấp phép bản quyền do tổ chức Creative Commons soạn thảo. Những thỏa thuận kiểu này cho phép tác giả, nghệ sỹ và những nhà sáng tạo

Truy cập Internet là dịch vụ được yêu cầu nhiều nhất tại các thư viện công cộng của Hoa Kỳ.

nội dung khác đưa sản phẩm của mình ra cho công chúng mà vẫn giữ được bản quyền của mình, tất cả chỉ qua một văn bản dễ hiểu. Trang mạng bách khoa toàn thư trực tuyến Wikipedia là một ấn phẩm thuộc diện được cấp phép bản quyền của tổ chức Creative Commons. Giấy phép bản quyền của Creative Commons là một lựa chọn đặc biệt quan trọng cho các nhà nghiên cứu, các học giả mong muốn tác phẩm của họ được đưa vào các tác phẩm chuyên môn lớn hơn mà không phải từ bỏ tất cả quyền lợi bản quyền của mình.

Bảo vệ tự do tri thức

Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ đã đưa ra những hướng dẫn và nguyên tắc đạo đức cho các thủ thư nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (IP), nhưng cũng xem việc bảo vệ tự do tri thức (IF) là một giá trị cốt lõi. Phòng Tự do Tri thức (OIF) của Hiệp hội này giữ vai trò chủ chốt trong việc phổ biến, tuyên truyền và xây dựng chính sách tự do biểu đạt. Cuốn *Sổ tay Tự do tri thức, ấn bản thứ 8* (ấn bản của ALA, 2010) gồm các tài liệu hiện hành và các tài liệu lưu trữ về những tiến triển của bản Quy định về các Quyền của Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ. Bản này quy định các quyền của độc giả đối với tự do tri thức và các bước thư viện cần thực hiện để bảo vệ các quyền đó. Ví dụ, khi bản gốc của Quy định này được thông qua vào năm 1948, các vấn đề về quyền riêng tư của người dùng thư viện chưa phải là một vấn đề nổi trội. Để giải quyết những quan ngại ngày nay về quyền riêng tư đối với tài liệu trên các danh mục trực tuyến của thư viện và các mạng xã hội, Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ đã thông qua văn bản "Quyền riêng tư: Giải thích về Quy định về các Quyền của Thư viện" vào năm 2002.

Vụ tấn công khủng bố ngày 11/9 năm 2001 và sau đó là Đạo luật Yêu nước của Hoa Kỳ đã làm gia tăng căng thẳng giữa vấn đề an ninh quốc gia và quyền riêng tư của người sử dụng. Thỉnh thoảng lại có các nhân viên điều tra truy tìm các đối tượng tình nghi tại các thư viện và các tài liệu mà người dùng thư viện đã sử dụng. Hoạt động này đã gây ra nhiều tranh cãi trong giới nghề nghiệp của chúng tôi vì nó xung đột với các điều luật về bảo mật mà thư viện giúp bảo vệ quyền riêng tư của người sử dụng thư viện.

Và do đó ở thế kỷ 21 này, các thủ thư tiếp tục cho phép công chúng truy cập lượng thông tin lớn hơn bao giờ hết trong khi đồng thời tôn vinh một nhiệm vụ đạo lý và pháp lý cũng không kém phần quan trọng – tuân thủ luật pháp về tác quyền giúp bảo vệ tác giả của thông tin. Các thủ thư hợp tác tích cực với cộng đồng người sử dụng, xuất bản và pháp lý để tìm ra giải pháp cho vấn đề này.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Hướng dẫn về quyền sở hữu trí tuệ

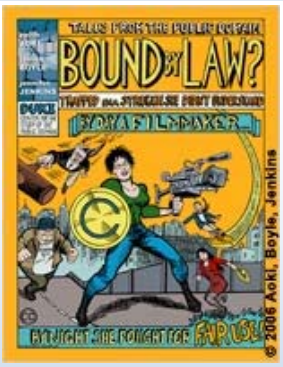

Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ đã đưa ra những hướng dẫn cho nhân viên trong ngành khi phải đương đầu với các vấn đề trong thời đại mới này trong tài liệu "Hướng dẫn và Xem xét Thông qua Chính sách Sử dụng Internet trong Thư viện Công cộng".

Tuyên truyền giáo dục người sử dụng thư viện là một hoạt động quan trọng đảm bảo các điều luật về tác quyền được thực hiện. Một trong những cẩm nang thiết thực tốt nhất cho các thủ thư là tác phẩm *Toàn cảnh về Tác quyền: Hướng dẫn dành cho các Thủ thư* của tác giả Carrie Russell (Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ: Phòng Chính sách Công nghệ Thông tin, 2004). Trung tâm Sở hữu Trí tuệ thuộc Đại học Maryland cung cấp các thông tin cập nhật tại địa chỉ: http://www.umuc.edu/distance/odell/cip/cip.shtml. Trung tâm này có các khóa học cấp chứng chỉ từ xa cho các thủ thư để cập nhật các vấn đề mới nhất liên quan tới sở hữu trí tuệ được các học giả thỉnh giảng và luật gia trong ngành chịu trách nhiệm giảng dạy. Hầu hết các trường đại học đều đã xây dựng các chính sách toàn diện về sở hữu trí tuệ, ví dụ như trường hợp của Đại học Indiana: http://www.iub.edu/~vpfaa/download/IPPolicy_Adopted_050208.00pdf.

Trung tâm Nghiên cứu Vấn đề Công, Trường Luật thuộc Đại học Duke đã cho xuất bản cuốn truyện tranh, "Quy định bởi pháp luật", có thể được tải miễn phí và là một cách hay để thu hút sự quan tâm của người lớn vào vấn đề này: www.law.duke.edu/cspd/artsproject/index.

Ngành công nghiệp tạo vị thế cho tự do Internet

Karen A. Frenkel

Để phản hồi lại những hành động ảnh hưởng nghiêm trọng đến tự do Internet của chính phủ, một nhóm gồm các nhiều thành phần xã hội từ các tổ chức phi chính phủ về nhân quyền, các nhà đầu tư, các trường báo chí đến hàng loạt các tập đoàn công nghệ đã cùng thiết lập nên tổ chức Global Network Initiative (GNI) (Sáng kiến mạng toàn cầu). Tập trung vào các đạo luật và tiêu chuẩn về quyền con người đã được công nhận, GNI hướng dẫn cho các công ty về cách phản hồi cũng như đối mặt với việc chính phủ gia tăng sức ép làm xâm phạm đến tự do Internet. Trong số các công ty đó có mặt cả các tổ chức và công ty lớn như Electronic Frontier Foundation, Human Rights Watch, Google, Microsoft và Yahoo.

Đại diện của (từ trái qua phải) Google, Inc.; Yahoo! Inc.; Human Rights Watch; Cisco Systems, Inc.; và Global Internet Freedom Consortium tuyên thệ trước Ủy ban Tư pháp Thượng viện Mỹ trong phiên xét xử của Ủy ban Tư pháp Thượng viện về vấn đề tự do Internet tại Washington, tháng 5/2008.

Theo một số nhà quan sát, tuy nhiều tổ chức đầu ngành vẫn chưa gia nhập GNI, nhưng ảnh hưởng của nhóm vẫn đang tiếp tục lan rộng. Ông Rebecca MacKinnon, thành viên hội đồng quản trị của GNI, và hội viên không thường trực của Trung tâm chính sách công nghệ thông tin Princeton, cho biết "mặc dù mới chỉ có 3 công ty tham gia, GNI đã có thể đưa ra bộ tiêu chuẩn về bảo mật Internet. Bộ tiêu chuẩn này đã được rất nhiều công ty tham khảo và áp dụng nên đã trở thành chuẩn phổ biến trên thực tế. Các công ty đó đã tiến hành đánh giá quyền con người trước khi hoạt động và thiết lập các quy trình để đảm bảo rằng hoạt động của họ sẽ tuân thủ các quy tắc của GNI. Ví dụ, theo ông MacKinnon, Yahoo đã quyết định cung cấp các dịch vụ ở Việt Nam từ Singapore nhằm ngăn chặn cảnh sát Việt Nam truy cập các thông tin tài khoản người sử dụng.

Những người ủng hộ quyết định của Google ngừng tuân thủ các chính sách kiểm duyệt gắt gao của Trung Quốc đã đặt hoa trước văn phòng tại Hồng Kông của Google. Sự kiện này là lời đáp trả cho việc Google phát hiện ra tài khoản của các nhà hoạt động vì nhân quyền bị

Một trường hợp để kiểm định các quy tắc của GNI là vụ Google quyết định ngừng tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm duyệt của Trung Quốc và đe dọa sẽ rút khỏi thị trường này vào năm 2010 sau khi bị tấn công một cách phức tạp và có chủ ý từ bên trong Trung Quốc. Kết quả điều tra cho thấy các tài khoản của các nhà hoạt động nhân quyền là mục tiêu xâm nhập của tin tặc. Tổ chức Human Rights Watch (HRW), một đối tác khác của GNI, đã ủng hộ hành động của Google và kêu gọi các công ty khác làm theo. Đại diện HRW trong một bài báo trên mạng cho biết "chúng tôi đang thúc giục thêm các công ty lựa chọn và tuân theo chuẩn GNI, đồng thời cũng đang kêu gọi luật pháp liên bang Hoa Kỳ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những công ty Internet (có trụ sở tại Mỹ) nếu tham gia vào việc kiểm duyệt hoặc tiết lộ thông tin cá nhân của người sử dụng. Với những động thái này, chúng ta sẽ góp phần tạo nên nền tảng vững chắc hơn cho tự do Internet trên toàn thế giới".

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

Phá bỏ rào cản trực tuyến

Karen A. Frenkel

Công nghệ có thể cung cấp các công cụ để vượt qua việc kiểm duyệt Internet.

Hàng triệu cư dân mạng trong những xã hội khép kín đã và đang sử dụng công nghệ chống kiểm duyệt để phá vỡ các rào cản trên mạng do các nhà cầm quyền đặt ra. Cũng có vài tổ chức sản xuất phần mềm như thế, trong đó có Censorship Research Center (CRC) (Trung tâm Nghiên cứu Kiểm duyệt), Global Internet Freedom Consortium (GIF) (Tập đoàn Tự do Internet Toàn cầu), Torproject.org, và Trung tâm Nghiên cứu về công dân của Đại học Toronto - trường liên kết với tổ chức OpenNet Initiative.

Các chính phủ áp dụng chính sách kiểm duyệt Internet hiện đang sử dụng ba biện pháp kỹ thuật: Thứ nhất là chặn truy cập các địa chỉ IP cụ thể; thứ hai là sàng lọc nội dung, cắt bỏ đường dẫn tới bất cứ địa chỉ nào chứa từ khóa bị cấm; và thứ ba là đổi hướng tên miền, tương tự như đổi số điện thoại của một người - như vậy sẽ không tìm ra được website.

Tuy nhiên, phần mềm lách hệ thống kiểm duyệt cũng không thiếu cách để vượt qua những chướng ngại vật đó. Các công cụ phần mềm của GIF có thể phá vỡ các bức tường cản, hệ thống kiểm soát và các dấu hiệu mà chính quyền sử dụng để theo dõi các máy tính cá nhân. Ví dụ, phần mềm phá vỡ kiểm duyệt có thể làm đảo lộn số "bit" và "byte" đang lưu chuyển ra vào máy tính của một người sử dụng ở Trung Quốc và vì thế "Vạn lý Tường lửa của Trung Quốc" không thể xem được nội dung trên đường truyền.

Phần mềm của UTCL là một trình duyệt có tên là Psiphon. Nó cho phép người sử dụng vẫn có thể xem các nội dung bị khóa sau bức tường lửa bằng việc cung cấp các trang web sử dụng máy chủ trung gian tại các quốc gia không bị kiểm duyệt. Hệ thống này hoạt động dựa trên sự tín nhiệm; một người đã có tài khoản Psiphon sẽ phải mời những người chưa sử dụng ứng dụng này bao giờ. Thư mời là một địa chỉ Internet đi kèm với một mật mã. Điều này cho phép người mới đăng nhập và truy cập một địa chỉ mà không hề để cho ai biết là họ đang sử dụng phần mềm Psiphon để truy cập trang web đó. Sau đó người này có thể nhập địa chỉ trang web cần xem vào thanh địa chỉ trên bất cứ trình duyệt nào và tự do lướt web.

Phần mềm Tor của Torproject.org cũng giúp người dùng ẩn danh bằng việc ngăn chặn việc phân tích luồng dữ liệu ra vào. Nó phân bổ các giao dịch dọc theo một đường dẫn Internet bất kỳ và vì thế không có một điểm cố định nào liên kết với vị trí của người sử dụng.

Trung tâm Nghiên cứu Kiểm duyệt đã đưa ra sản phẩm bổ sung mới nhất cho bộ dụng cụ chống kiểm duyệt. Trung tâm này đã xây dựng phần mềm "Haystack" sau khi Chính phủ Iran ngăn chặn việc sử dụng Internet sau đợt bầu cử gây tranh cãi năm 2009. Haystack đã sử dụng các công thức toán học để làm ẩn đi nhận dạng Internet thật sự của người sử dụng khi họ truy cập vào các trang web. Ông Austin Heap, Giám đốc điều hành của CRC trong cuộc phỏng vấn với tờ *Business Week* cho biết chương trình này cho phép người dân ở Iran dùng mạng Internet như thể chẳng có bộ kiểm duyệt nào của chính phủ Iran tồn tại cả.

Quan điểm thể hiện trong bài báo này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ.

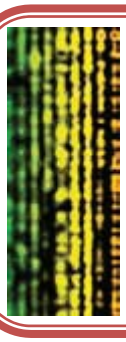

INFO BYTES

Theo kết quả khảo sát của Hiệp hội Viễn thông Quốc tế, từ năm 2008 đến 2009, chi phí các dịch vụ công nghệ truyền thông và công nghệ thông tin tại **161** quốc gia đã giảm trung bình **15%**.

Nguồn thông tin tham khảo

Sách, báo và các trang Web

THÔNG TIN CHUNG

Access Controlled: The Shaping of Power, Rights, and Rule in Cyberspace; edited by Ronald Deibert ... [et al.]. Cambridge, Mass. MIT Press, c2010.

Access Denied: The Practice and Policy of Global Internet Filtering; edited by Ronald Deibert ... [et al.]. Cambridge, MA: MIT Press, 2008.

Congressional-Executive Commission on China. "Google and Internet Control in China: A Nexus Between Human Rights and Trade?" March 24, 2010 http://www.cecc.gov/pages/hearings/2010/20100324/index.php http://www.cecc.gov/pages/hearings/2010/20100324/hearingwebcast20100324.php

Finkelstein, David M., Maryanne Kivlehan-Wise, and Kristen Gunness, eds. *The Chinese Media System: Continuity, Chaos, and Change*. Armonk, NY: M.E. Sharpe Publishers, 2007.

Freedom House. *Freedom of the Net: A Global Assessment of Internet and Digital Media*. Washington, DC: Freedom House [2009].

Jacobson, George V. [and Patricia M. Figliola]. *Cybersecurity, Botnets, and Cyberterrorism.* New York: Nova Science Publishers, 2009.

Lessig, Lawrence. *Code 2.0*. 2d ed. [New York]: SoHo Books; distributed under the terms of the Creative Commons Attribution ShareAlike 2.5 License, 2006.

Lessig, Lawrence. *Free Culture: How Big Media Uses Technology and the Law to Lock Down Culture and Control Creativity*. New York: Penguin, 2004.

McCaffrey, Paul, ed. *The News and Its Future*. New York: The H.W. Wilson Company, 2010.

Perelman, Michael. *Steal This Idea: Intellectual Property Rights and the Corporate Confiscation of Creativity*. New York: Palgrave, 2002.

Portela, Irene Maria and Maria Manuela Cruz-Cunha, eds. *Information Communication Technology Law, Protection, and Access Rights: Global Approaches and Issues*. Hershey PA: Information Science Reference, 2010.

Handbook for Bloggers and Cyber-Dissidents, Reporters Without Borders, 2008. http://www.rsf.org/IMG/pdf/guide_gb_md-2.pdf

Sell, Susan K. *Private Power, Public Law: The Globalization of Intellectual Property Rights*. Cambridge, UK; New York: Cambridge University, 2003.

Stein, Richard J., ed. *Internet Safety, Vol. 81*. New York: H.W. Wilson, 2009.

United States. Congress. House. Committee on International Relations. Subcommittee on Africa, Global Human Rights, and International Operations. *The Internet in China: A Tool for Freedom or Suppression?*: joint hearing before the Subcommittee on Africa, Global Human Rights, and International Operations and the Subcommittee on Asia and the Pacific of the Committee on International Relations, House of Representatives, One Hundred Ninth Congress, second session, February 15, 2006. Washington: http://www.internationalrelations.house.gov/archives/109/26075.pdf

United States. Congress. Senate. Committee on the Judiciary. Subcommittee on Human Rights and the Law. *Global Internet Freedom: Corporate Responsibility and the Rule of Law*; hearing before the Subcommittee on Human Rights and the Law of the Committee on the Judiciary, United States Senate, 110th Congress, 2d session, May 20, 2008. Washington.

Vaidhyanathan, Siva. *Copyrights and Copywrongs: The Rise of Intellectual Property and How It Threatens Creativity*. New York: New York University, 2003.

Zittrain, Jonathan L. *The Future of the Internet and How to Stop It.* New Haven [CT]: Yale University Press, 2008.

CÁC BÀI BÁO VÀ BÁO CÁO

Anderson, Janna and Lee Rainie. *Future of the Internet IV* Pew Center for Internet and American Life, Feb 19, 2010. http://pewinternet.org/Reports/2010/Future-of-the-Internet-IV.aspx

Bandurski, David. "China's Guerrilla War for the

Web," *Far Eastern Economic Review*, vol. 171, no. 6 (July/August 2008): pp. 41-44.

Calingaert, Daniel. "Authoritarianism vs. the Internet," *Policy Review*, no. 160 (April and May 2010)
http://www.hoover.org/publications/policyreview/89175117.html

Carlson, Matt. "Order Versus Access: News Search Engines and the Challenge to Traditional Journalistic Roles," *Media, Culture and Society*, v.29 (November 2007): pp. 1014-1030.

Clinton, Hillary Rodham, Secretary of State, Remarks on Internet Freedom, Washington, DC January 21, 2010
http://www.state.gov/secretary/rm/2010/01/135519.htm

Freedom House. *Freedom of the Press Index 2009*
http://www.freedomhouse.org/template.cfm?page=251&year=2009

Frenkel, Karen A. "The Wisdom of the Hive: Is the Web a Threat to Creativity and Cultural Values? One Cyber Pioneer Thinks So," *Scientific American*, February 16, 2010.
http://www.scientificamerican.com/article.cfm?id=jaron-lanier-gadget

International Telecommunications Union. "The World in 2009: ICT Facts and Figures"
http://www.itu.int/ITU-D/ict/material/Telecom09_flyer.pdf
"Measuring the Information Society 2010"
http://www.itu.int/ITU-D/ict/publications/idi/2010/index.html

Internet World Stats
http://www.internetworldstats.com/stats.htm

Karlekar, Karin Deutsch and Sarah G. Cook. "Access and Control: A Growing Diversity of Threats to Internet Freedom," Special Reports Section, Freedom House.
http://freedomhouse.org/template.cfm?page=384&key=194&parent=19&report=79

Posner, Michael H., Assistant Secretary of State for Democracy, Human Rights, and Labor, "Briefing on Internet Freedom and 21st Century Statecraft," Washington, D.C., January 22, 2010.
http://www.state.gov/g/drl/rls/rm/2010/134306.htm

Reporters Without Borders. "Predators of the Press"
http://en.rsf.org/www-rsf-org-predators2010-03-05-2010,37235.html

U.S. Department of State. "2009 Country Reports on Human Rights Practices," Washington, D.C. March 11, 2010.
http://www.state.gov/g/drl/rls/hrrpt/2009/index.htm

Figliola Patricia M., Kennon H. Nakamura, Casey L. Addis [and] Thomas Lum. *U.S. Initiatives to Promote Global Internet Freedom: Issues, Policy, and Technology*, Washington, DC: Congressional Research Service, 2010.
http://www.fas.org/sgp/crs/misc/R41120.pdf

World Summit on the Information Society. "Tunis Commitment," Tunis, Tunisia, November 18, 2005.
http://www.itu.int/wsis/docs2/tunis/off/7.html

Wu, Tim. "The World Trade Law of Censorship and Internet Filtering," *Chicago Journal of International Law*, vol. 7, no. 1 (Summer 2006): pp. 263-287.

CÁC TRANG WEB

Chính phủ Mỹ

Internet Freedom: Free Expression in the Digital Age
http://www.america.gov/internet-freedom.html

National Telecommunications and Information Administration
Internet Policy Task Force
http://www.ntia.doc.gov/internetpolicytaskforce/

U.S. Department of Commerce
International Trade Administration
Strategy Targeting Organized Piracy (STOP)
http://www.export.gov/tradeproblems/eg_main_018580.asp

U.S. Department of Justice
Computer Crime and Intellectual Property Section (CCIPS)
http://www.cybercrime.gov/ip.html

U.S. Office of the United States Trade Representative
Office of Intellectual Property and Innovation (IPN)
http://www.ustr.gov/trade-topics/intellectual-property

Các tổ chức quốc tế

Freedom House
http://www.freedomhouse.org

Global Network Initiative (GNI)
http://www.globalnetworkinitiative.org

Reporters Without Borders (Rapporteurs Sans Frontieres)
http://www.rsf.org

World Intellectual Property Organization
http://www.wipo.int

World Trade Organization
Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS)
http://www.wto.org/english/tratop_e/trips_e/trips_e.htm

Các hiệp hội và tổ chức thương mại

American Intellectual Property Law Association
http://www.aipla.org

American Library Association (ALA)
Office of Intellectual Freedom
http://www.ala.org/ala/mgrps/committees/ala/ala-if.cfm

Business Software Alliance
http://www.bsa.org

International Intellectual Property Alliance
http://www.iipa.com

Educational Institutions

Duke University Law School
Center for the Study of the Public Domain
Comic book "Bound by Law"
http://www.law.duke.edu/cspd/artsproject/index

Electronic Frontier Foundation (EFF)
http://www.eff.org

Harvard University Law School
Berkman Center for Internet and Society
http://cyber.law.harvard.edu

Internet World Stats
This Web site provides data on world Internet Usage, population statistics and Internet market research data.
http://www.internetworldstats.com/stats.htm

Stanford University
Copyright and Fair Use
http://fairuse.stanford.edu

University of Maryland
Center for Intellectual Property
http://www.umuc.edu/distance/odell/cip/cip.shtml

University of Washington School of Law
Center for Advanced Study and Research on Intellectual Property (CASRIP)
http://www.law.washington.edu/Casrip

PHIM ẢNH

Freedom of Expression: Resistance and Repression in the Age of Intellectual Property (2007)
Running time: 60 minutes
Director: Jeremy Smith
Summary: Documentary explores the battles being waged in courts, classrooms, museums, film studios, and the Internet over control of cultural commons.

I Am the Media (2010)
Running time: 56 minutes
Director: Benjamin Rassat
Summary: French film about bloggers and avid Internet users.

Unconstitutional: The War on Our Civil Liberties (2004)
Running time: 68 minutes
Director: Nonny de la Pena
Summary: This documentary investigates the ways in which the civil liberties of American citizens and immigrants have been rolled back since the 2001 terrorist attacks and the passage of subsequent anti-terrorism laws.

Trung tâm Hoa Kỳ

Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội

Tel: (04) 3850-5000; Fax: (04) 3850-5048; Email: irchanoi@gmail.com

http://vietnam.usembassy.gov